

Cập nhật Danh mục đầu tư:

TĂNG TRƯỞNG

MIDCAP

**MWG** → **KBC** | **TCH** → **SCS**



# SMART PORTFOLIO

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ


Tháng 7/2024

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư  
**smartDragon**

## Mục lục

### smartPortfolio tháng 7/2024

<b>I. Tổng quan danh mục</b>	<b>01-04</b>
1. Thống kê hiệu quả danh mục	04
2. Top 10 cổ phiếu trong danh mục chính có hiệu suất nổi bật	04
<b>II. Cập nhật Danh mục chính</b>	<b>05-28</b>
1. Danh mục THẬN TRỌNG	05
2. Danh mục CÂN BẰNG	07
3. Danh mục TĂNG TRƯỞNG	09
4. Danh mục MIDCAP	11
5. Danh mục SMALLCAP	12
6. Điểm nhấn doanh nghiệp	13
<b>III. Cập nhật Danh mục chủ đề</b>	<b>31-32</b>
1. Cổ tức tiền mặt	31
2. Đầu tư công	31
3. P/B<1	31
4. BĐS dân dụng & khu công nghiệp	32
<b>IV. Giới thiệu về smartPortfolio</b>	<b>33-36</b>
1. Tổng quan về smartPortfolio	33
2. Phương pháp xây dựng danh mục đầu tư	34
3. Diễn giải	36



Chỉ số VN-Index trải qua phiên giảm mạnh cuối tuần qua, đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1,250 điểm. Đây là lần giảm thứ 3 liên tiếp kể từ đỉnh 1,306 điểm, với nhịp giảm hơn 64 điểm (-4.92%), gây tâm lý lo lắng cho giới đầu tư. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đợt giảm này diễn ra mà không có yếu tố thông tin tiêu cực nào tác động đặc biệt.

Hiện tại, VN-Index đã để mất ngưỡng hỗ trợ MA50 và MA100 (theo ngày). Song, xu hướng tăng dài hạn từ tháng 11/2023 vẫn có thể duy trì chừng nào thị trường giữ được vùng hỗ trợ 1,235 điểm.

Sau khi loạt thông tin vĩ mô 6 tháng đầu năm tích cực được công bố, chúng tôi dự báo lạc quan thị trường có cơ hội hồi phục từ vùng hỗ trợ 1,235 - 1,240 điểm. Bên cạnh đó, mùa báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm cũng sẽ được công bố trong 1 - 2 tuần tới, củng cố thêm cho kịch bản tích cực cho thị trường.

Xét về định giá, P/E hiện tại ở mức 14.1 lần, thấp hơn so với mức bình quân 5 năm (17.3 lần) và 10 năm (16.6 lần). VN-Index đã giảm gần 5% so với đỉnh 1,306 điểm, nhưng mặt bằng giá cổ phiếu giảm sâu hơn (13-15%), tạo cơ hội hấp dẫn cho các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.

*"Nhìn chung, thị trường có thể trải qua giai đoạn rung lắc ngắn hạn, tuy nhiên xu hướng tăng trưởng dài hạn vẫn được đánh giá cao. Nhà đầu tư nên kiên nhẫn và có chiến lược đầu tư dài hạn để tận dụng cơ hội khi thị trường hồi phục."*

## TỔNG QUAN DANH MỤC ĐẦU TƯ Tháng 07/2024

Cập nhật danh mục đầu tư với những cổ phiếu triển vọng. Dựa trên đánh giá các sự kiện, tin tức kinh tế/ngành nghề gần đây và tiềm năng vượt trội của một số doanh nghiệp, chúng tôi cập nhật danh mục đầu tư với những thay đổi sau:

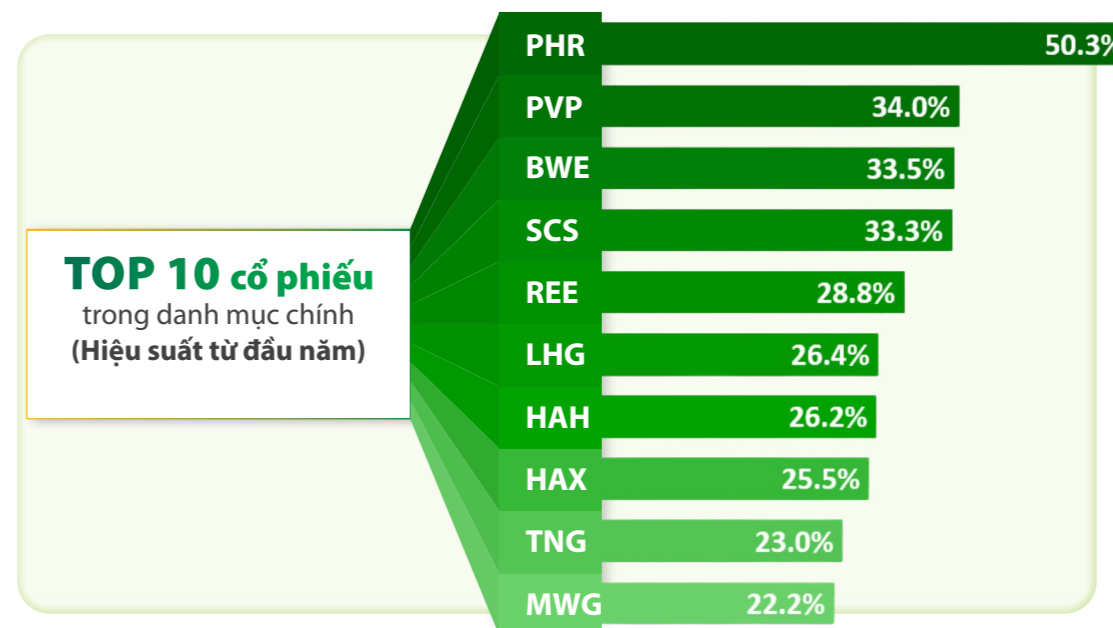
- ✓ Danh mục **TĂNG TRƯỞNG**: Thay thế **MWG** bằng **KBC**
- ✓ Danh mục **MIDCAP**: Thay thế **TCH** bằng **SCS**

## HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ



## THỐNG KÊ HIỆU QUẢ DANH MỤC THEO THỜI GIAN

Danh mục	1M	3M	6M	12M	YTD
THẬN TRỌNG	-0.1%	3.2%	23.2%	20.6%	23.2%
CÂN BẰNG	2.5%	9.0%	25.7%	19.8%	25.7%
TĂNG TRƯỞNG	-0.1%	8.9%	20.9%	29.8%	20.9%
MIDCAP	0.8%	8.2%	-	-	-
SMALLCAP	5.0%	12.9%	-	-	-
VNINDEX	-0.6%	-2.1%	11.0%	12.0%	11.0%



## CẬP NHẬT DANH MỤC CHÍNH

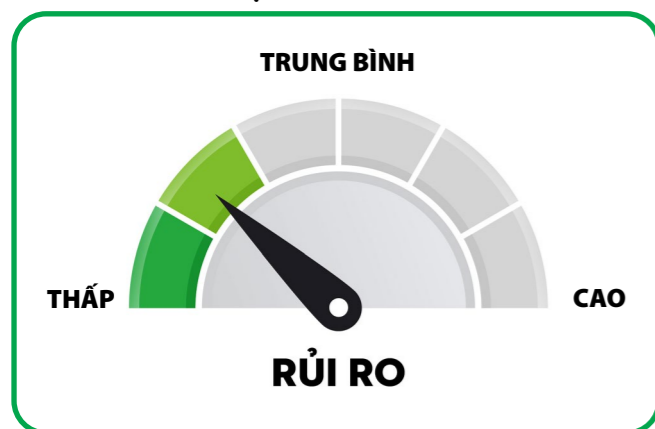
### DANH MỤC THẬN TRỌNG

- ✓ Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

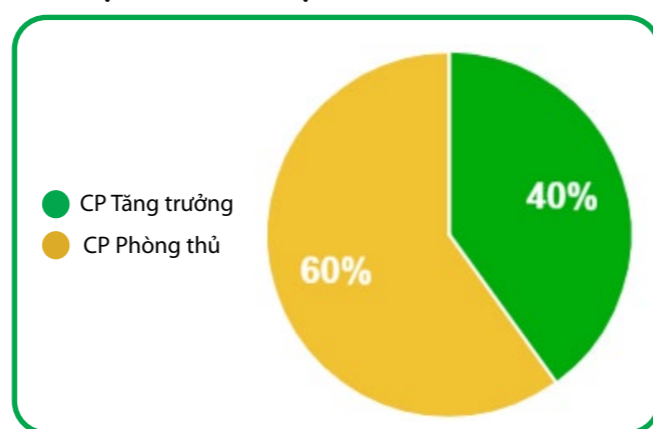
Tỷ suất cổ tức  
**>7%**

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng  
**8-10%**

### RỦI RO DANH MỤC



### TỶ TRỌNG DANH MỤC



### DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
CTG	●	Ngân hàng	39.1	32	22.2%	30 - 31.5	20%	8.5	1.4
PLX	●	Dầu khí	46.5	40.8	14.0%	37.5 - 39.5	20%	15.9	1.8
QNS	●	Mía đường	55.8	49.9	11.8%	46 - 48	20%	7.4	2.2
REE	●	Điện	64.5	63.5	1.6%	56 - 60	20%	15.5	1.5
VNM	●	Thực phẩm	81.5	66	23.5%	63.5 - 65.5	20%	15.0	3.9

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024

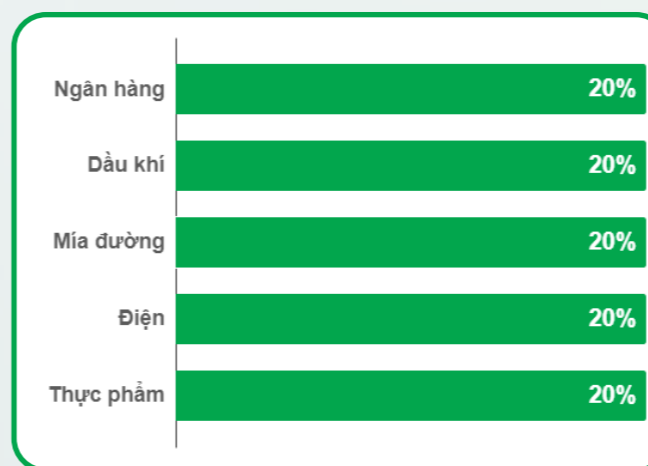
\*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

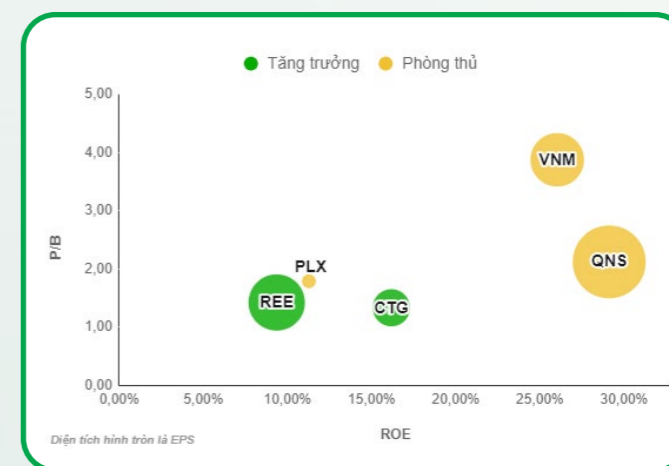
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

### PHÂN BỐ THEO NGÀNH



### TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



### HIỆU SUẤT DANH MỤC THẬN TRỌNG



### DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
ACB	●	Ngân hàng	27.4	23.8	15.1%	21.5 - 22.5	6.7	1.5	3,541
BMI	-	Bảo hiểm	30.6	25.4	20.5%	23.4 - 24.5	9.3	1.2	2,723
BWE	●	Nước	52	45.3	14.8%	40 - 42.5	14.0	2.1	3,228
KBC	●	BDS Khu công nghiệp	41	29	41.4%	27.2 - 28.5	22.7	1.1	1,274
SIP	●	BDS Khu công nghiệp	131	90.2	45.2%	81.5 - 86.5	15.8	4.1	5,701

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng

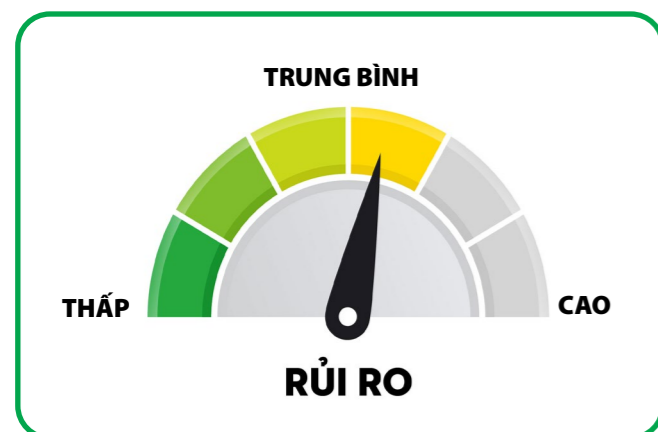
## DANH MỤC CÂN BẰNG

- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- ✓ Tỷ suất sinh lợi kỳ vọng 10-15%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

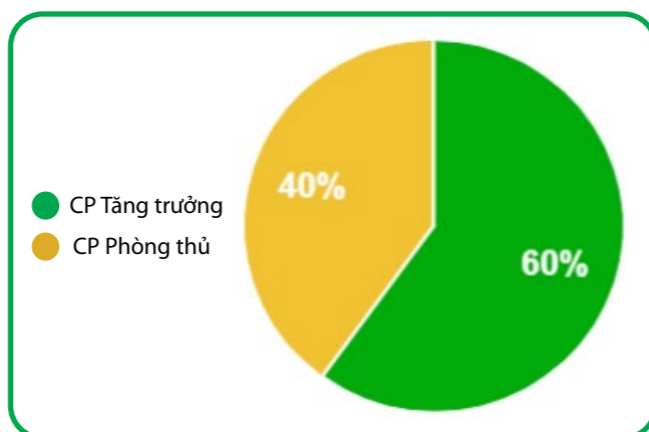
Tỷ suất cố tức  
**>5%**

Tỷ suất sinh lợi kỳ vọng  
**10-15%**

### RỦI RO DANH MỤC



### TỶ TRỌNG DANH MỤC



## DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
HPG	●	Thép	33.9	28.4	19.4%	27 - 28.3	20%	19.5	1.8
MWG	●	Bán lẻ	74.0	65.8	12.5%	53 - 59	20%	91.7	4.0
QNS	●	Mía đường	55.8	49.9	11.8%	46 - 48	20%	7.4	2.2
PHR	●	BDS Khu công nghiệp	75.5	60.5	24.8%	54 - 57.5	20%	17.5	2.2
VPB	●	Ngân hàng	23.1	19	21.6%	17.2 - 18.5	20%	13.6	1.2

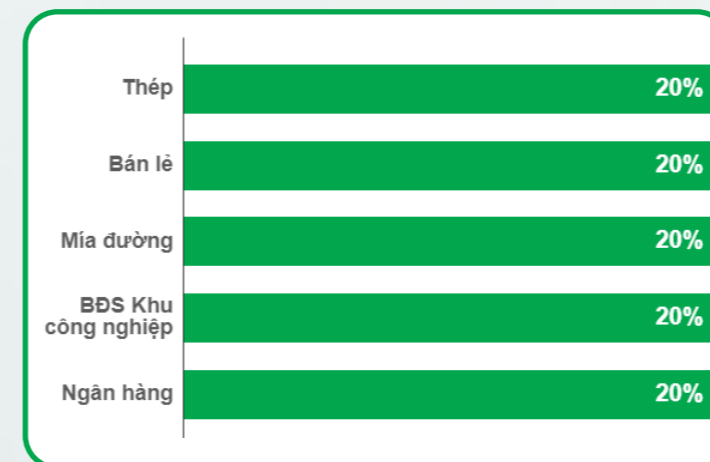
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

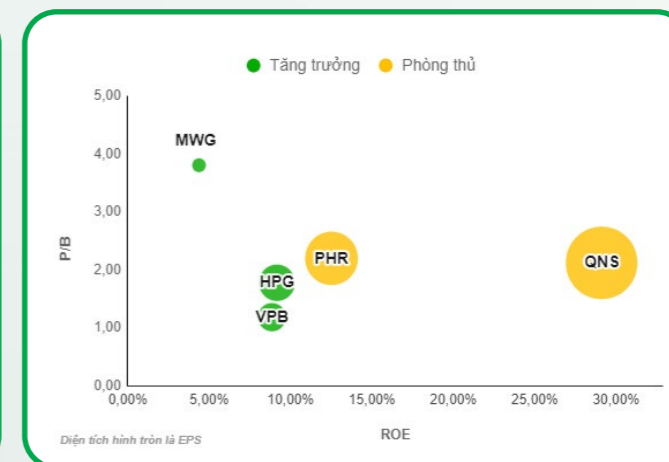
Giá mục tiêu\* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024  
\*Đơn vị: nghìn đồng

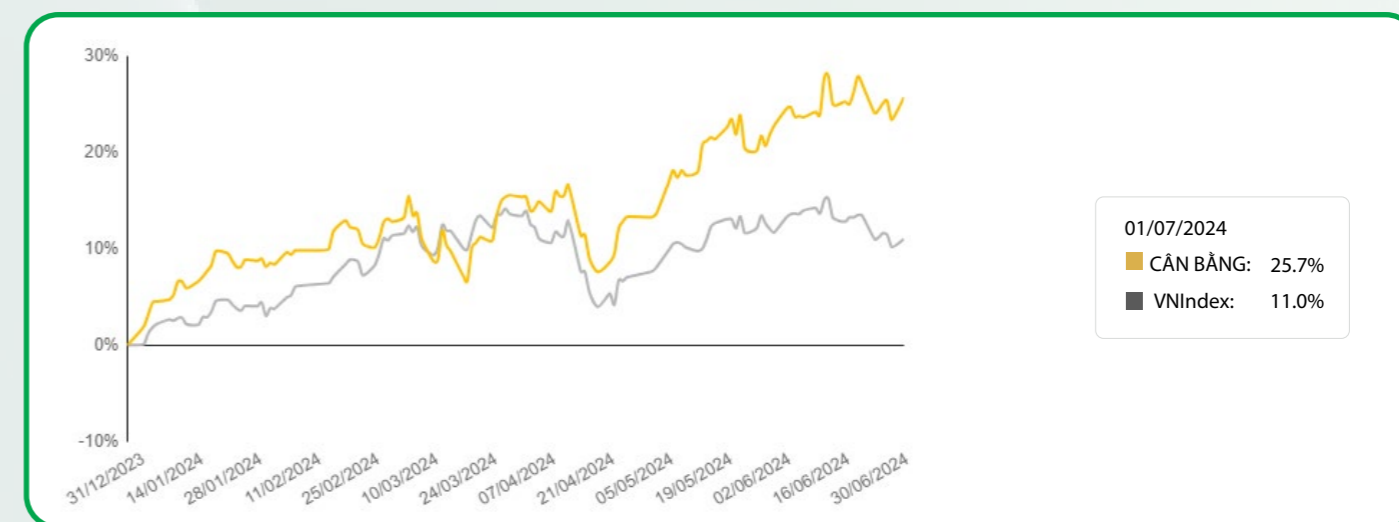
## PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



## TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



## HIỆU SUẤT DANH MỤC CÂN BẰNG



## DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTG	●	Ngân hàng	39.1	32	22.2%	30 - 31.5	8.5	1.4	3,751
GAS	●	Dầu khí	88	77.7	13.3%	74 - 77.5	16.6	2.7	4,688
LHG	-	BDS Khu công nghiệp	66	38	73.7%	33.5 - 36	12.7	1.2	2,988
MBB	●	Ngân hàng	28.2	22.5	25.3%	20.5 - 21.6	5.9	1.3	3,804
TCB	-	Ngân hàng	28.9	22.7	27.3%	19.2 - 21.2	8.1	1.2	2,800

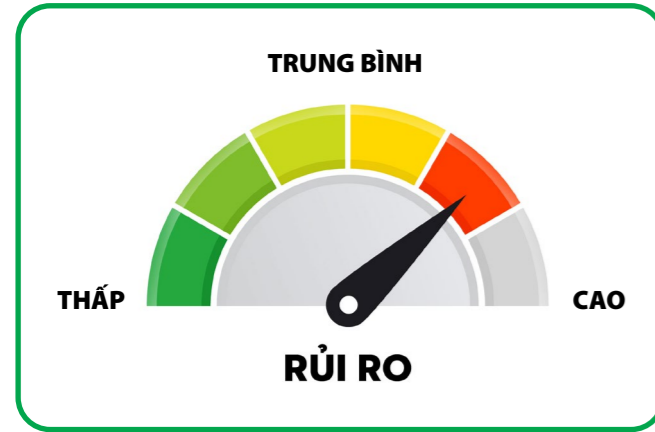
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024  
\*Đơn vị: nghìn đồng

## DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

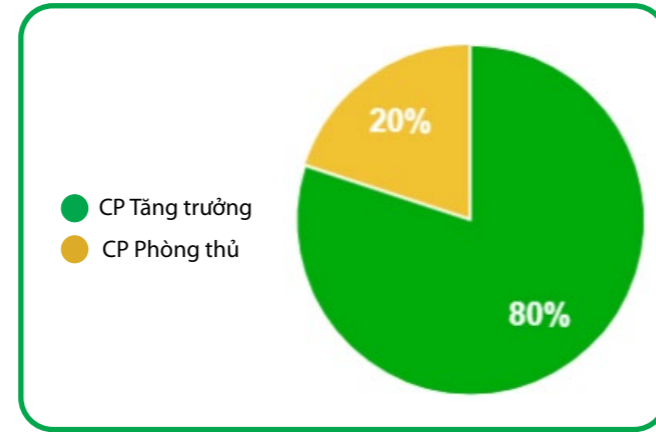
- ✓ Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt.
- ✓ Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường.
- ✓ Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm.

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng  
**22-25%**

### RỦI RO DANH MỤC



### TỶ TRỌNG DANH MỤC



## DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
KDH	●	BDS Dân cư	40.3	37	8.9%	32.5 - 34.5	20%	51.0	2.0
MSN	●	Thực phẩm	85.6	76	12.6%	67.5 - 71	20%	373.2	3.0
KBC	●	BDS Khu công nghiệp	41.0	29	41.4%	27.2 - 28.5	20%	22.7	1.1
ACB	●	Ngân hàng	27.4	23.8	15.1%	21.5 - 22.5	20%	6.7	1.5
QNS	●	Mía đường	55.8	49.9	11.8%	46 - 48	20%	7.4	2.2

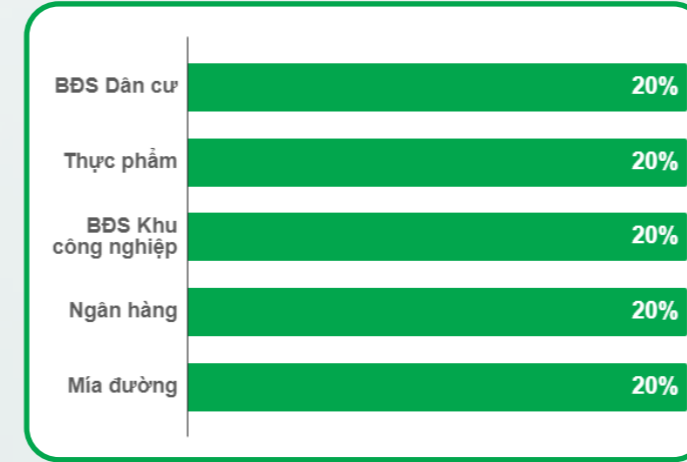
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

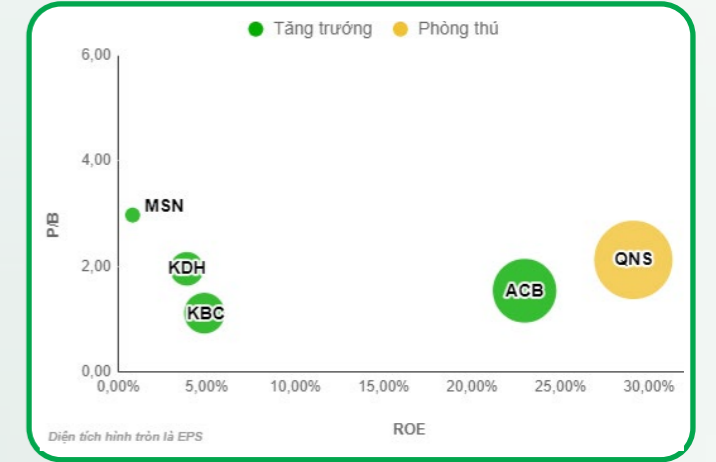
Giá mục tiêu\* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024  
\*Đơn vị: nghìn đồng

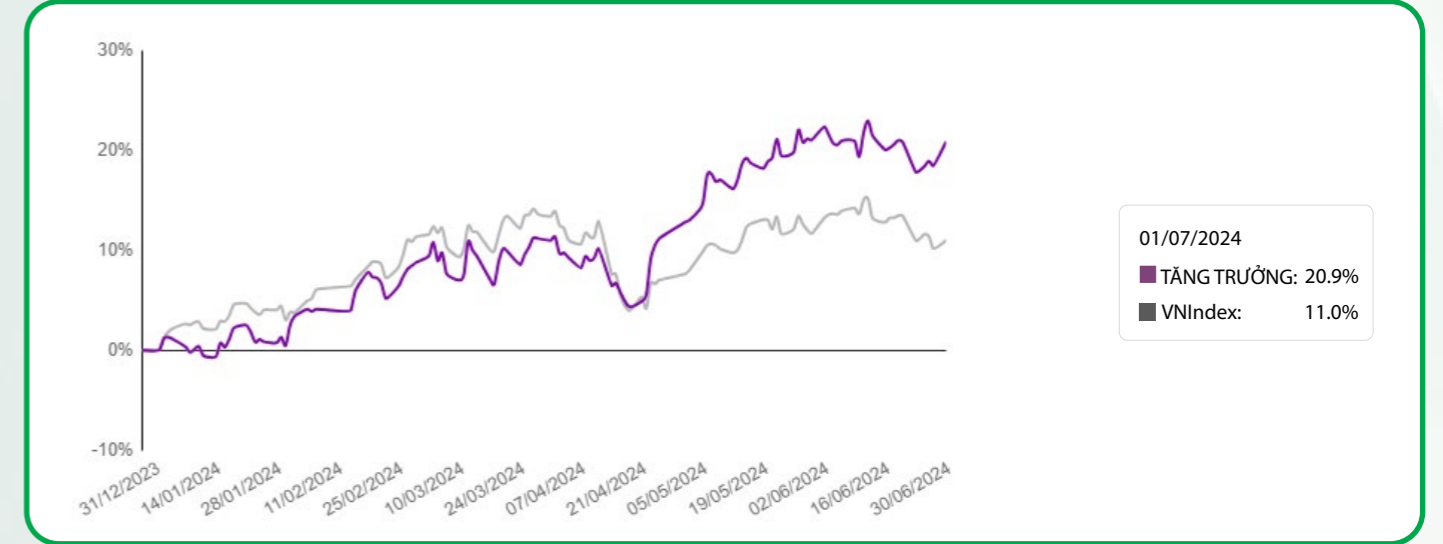
## PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



## TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



## HIỆU SUẤT DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG



## DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG CHỜ

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BSR	-	Dầu khí	27	22.1	22.2%	19.5 - 21	8.5	1.2	2,588
HAH	-	Cảng - Vận tải	51	45.4	12.3%	38 - 41.5	16.9	1.7	2,679
HDG	-	BDS Dân cư	33	28.9	14.2%	25 - 27.5	15.4	1.4	1,873
NLG	-	BDS Dân cư	51.0	41.8	22.0%	39 - 41.5	40.2	1.2	1,040
PVD	●	Dầu khí	34	29.4	15.6%	26 - 28	24.5	1.1	1,200

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024  
\*Đơn vị: nghìn đồng

## DANH MỤC MIDCAP

- ✓ Danh mục đầu tư Midcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa vừa, thường có vốn hóa thị trường từ 5,000 – 15,000 tỷ đồng. Các cổ phiếu Midcap có tiềm năng tăng trưởng cao hơn các công ty Largecap vì chúng có nhiều dư địa phát triển hơn. Tuy nhiên, Midcap cũng đi kèm với rủi ro cao hơn Largecap vì các công ty này thường ít ổn định hơn và dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường.
- ✓ Midcap là một lựa chọn đầu tư hấp dẫn cho nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và muốn kiếm lợi nhuận cao

### DANH MỤC MIDCAP

Mã CK	Phân loại	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
PVT	●	Cảng - Vận tải	33.0	29.5	11.9%	26 - 27.5	10.3	1.2	2,863
QTP	●	Điện	18.5	16.6	11.4%	15 - 16	10.7	1.4	1,549
BAF	-	Chăn nuôi	27.0	19.7	37.1%	17.7 - 18.8	34.2	2.4	577
HDG	-	BĐS Dân cư	33.0	28.9	14.2%	25 - 27.5	15.4	1.4	1,873
PC1	-	Xây dựng	31.4	29.6	6.1%	25 - 27.5	45.5	1.3	651
BWE	●	Nước	52.0	45.3	14.8%	40 - 42.5	14.0	2.1	3,228
CTD	-	Xây dựng	85.0	71.2	19.4%	61 - 66.6	26.3	0.8	2,710
HSG	●	Thép	28.5	24.4	16.8%	21.5 - 23	17.2	1.4	1,420
SCS	-	Hàng không - Du lịch	95.6	86.3	10.8%	81 - 85.5	16.5	6.4	5,216
IJC	-	BĐS Dân cư	17.5	14.8	18.2%	13.5 - 14.5	17.1	1.4	865

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

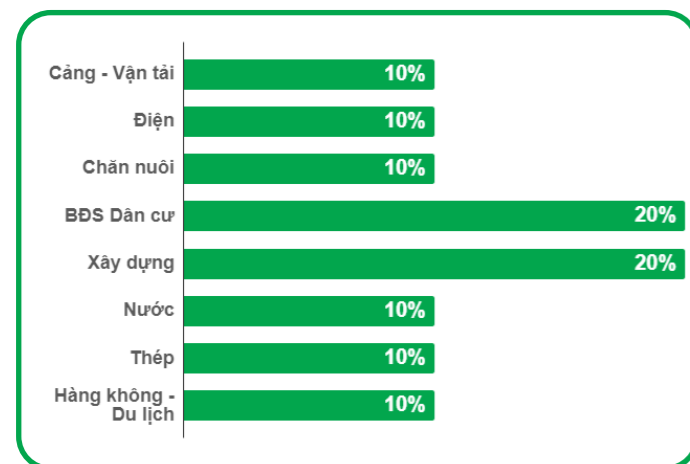
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

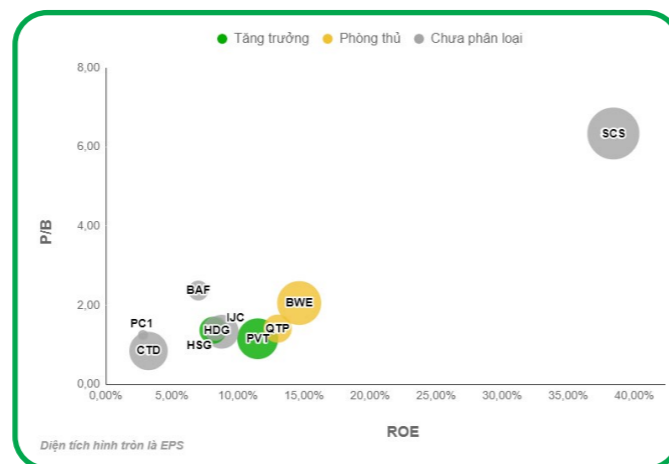
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng

### PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



### TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



## DANH MỤC SMALLCAP

- ✓ Danh mục đầu tư Smallcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa nhỏ, thường có vốn hóa thị trường dưới 5,000 tỷ đồng. Mục tiêu của danh mục nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những "ngôi sao tương lai" giúp nhà đầu tư sớm phát hiện những công ty tiềm năng trước khi chúng trở nên nổi tiếng và tăng giá mạnh.
- ✓ Các cổ phiếu Smallcap thường biến động mạnh hơn so với các cổ phiếu vốn hóa lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường, tin tức. Danh mục phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao, chấp nhận rủi ro cao để kiếm lợi nhuận đột phá.

### DANH MỤC SMALLCAP

Mã CK	Phân loại	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
DHC	-	Giấy	45.0	40.2	11.9%	35 - 38.5	11.6	1.7	3,461
NHH	-	Nhựa	25.0	17	47.1%	15.5 - 16.5	12.1	0.9	1,405
DRC	●	Ô tô - Phụ tùng	38.8	34.2	13.5%	29.6 - 31.5	15.0	2.2	2,286
LHG	-	BĐS Khu công nghiệp	66.0	38	73.7%	33.5 - 36	12.7	1.2	2,988
PVP	-	Cảng - Vận tải	20.5	17.2	19.2%	15 - 16.4	8.9	0.9	1,940
CNG	-	Dầu khí	38.0	32.8	15.9%	31 - 32.5	14.2	2.0	2,313
HAH	-	Cảng - Vận tải	51.0	45.4	12.3%	38 - 41.5	16.9	1.7	2,679
HAX	-	Ô tô - Phụ tùng	19.5	16.5	18.2%	14.5 - 15.5	33.2	1.5	497
ITC	-	BĐS Dân cư	14.8	12	23.3%	10.5 - 11.5	19.7	0.5	609
TNG	-	Dệt may	32.0	27.5	16.4%	22 - 24.5	13.9	1.7	1,981

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

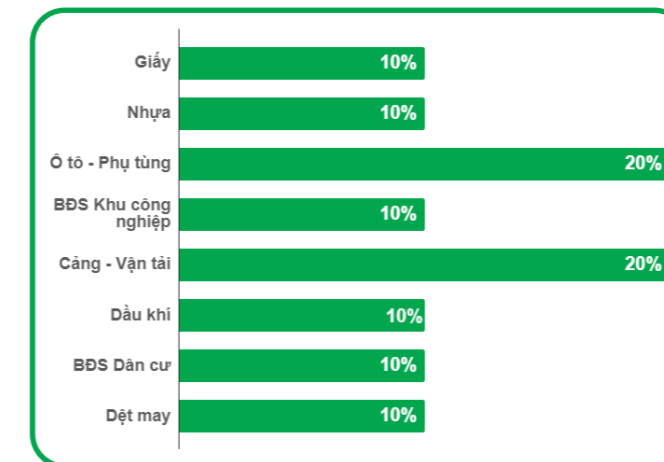
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

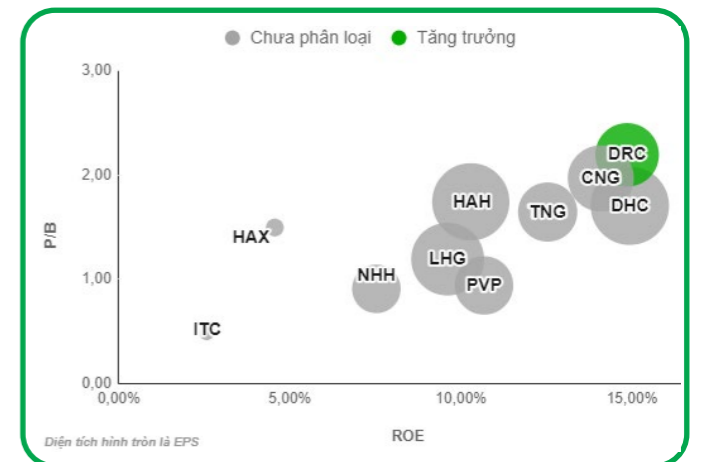
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng

### PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)

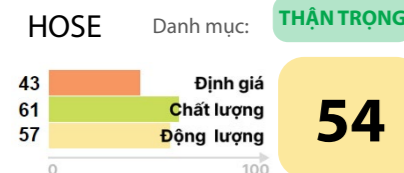


### TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



## ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP

# CTG



Giá mục tiêu: 39,100  
 Giá hiện tại: 32,000  
 Lợi nhuận kỳ vọng: 22.2%  
 Vùng mua: 30,000 - 31,500

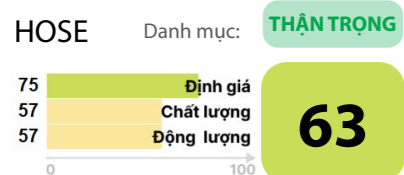
+/- Doanh thu (Q1/24): 12.0%  
 +/- LNST (Q1/24): 3.2%  
 EPS: 3,751 P/E: 8.5  
 ROE: 16.2% P/B: 1.4

Trong Quý 1/2024, Tổng thu nhập hoạt động của CTG (TNHĐ) đạt 19 nghìn tỷ (+12% yoy). Thu nhập lãi thuần tăng trưởng mạnh (+19,8%) đạt 15,1 nghìn tỷ bù đắp cho mức giảm 10,6% yoy của các hoạt động ngoài lãi khi (1) thu nhập phí 1,7 nghìn tỷ đồng (-11% yoy) và (2) hoạt động khác (chủ yếu là các hoạt động thu hồi nợ) là 778 tỷ (-23,7% yoy). Tuy vậy, hoạt động kinh doanh ngoại hối là điểm sáng của nguồn thu ngoài lãi khi ghi nhận mức tăng trưởng 14,6% yoy đạt 1,3 nghìn tỷ. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 1,35% so với 1,13% cuối năm 2023. Nợ nhóm 2 đồng thời chỉ tăng nhẹ 4 bps so với quý trước lên 1,59%. Năm 2024, chúng tôi ước tính tổng TNHĐ sẽ ghi nhận

mức tăng trưởng đạt 83 nghìn tỷ đồng (+18% yoy). Theo đó, chúng tôi kỳ vọng hầu hết các mảng kinh doanh cốt lõi của ngân hàng khởi sắc trong năm 2024 (1) Thu nhập lãi thuần ước tăng 20% yoy nhờ tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức 15% và NIM tiếp tục đà phục hồi lên mức 3,04% (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng 12% nhờ các hoạt động về các hoạt động gồm thanh toán, tài trợ thương mại và thu hồi nợ được cải thiện.

**"Tổng thu nhập hoạt động đạt 19 nghìn tỷ (+12% yoy). Thu nhập lãi thuần tăng trưởng mạnh (+19,8%) đạt 15,1 nghìn tỷ bù đắp cho mức giảm 10,6% yoy của các hoạt động ngoài lãi."**

# PLX



Giá mục tiêu: 46,500  
 Giá hiện tại: 40,800  
 Lợi nhuận kỳ vọng: 14.0%  
 Vùng mua: 37,500 - 39,500

+/- Doanh thu (Q1/24): 11.4%  
 +/- LNST (Q1/24): 73.2%  
 EPS: 2,570 P/E: 15.9  
 ROE: 11.3% P/B: 1.8

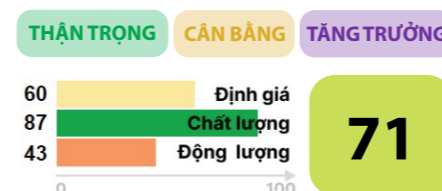
Trong Q1/2024, LNTT tăng 72% svck và 70% so với quý trước đạt 1,44 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 50% kế hoạch LNTT năm 2024. Đáng chú ý nhất là lợi nhuận gộp tăng đáng kể 31,2% so với cùng kỳ lên mức cao kỷ lục là 4,67 nghìn tỷ đồng nhờ mảng xăng dầu. Sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước ước đạt 2,6 triệu tấn, tăng nhẹ 2% so với mức nền tương đối cao trong Q1/2023, đồng thời tăng 2,4% so với quý trước. Tuy nhiên, lợi nhuận của mảng xăng dầu tăng mạnh 260% svck đạt 1,06 nghìn tỷ đồng nhờ giá xăng dầu tăng khoảng 9% trong quý.

thụ xăng dầu trong nước là 10,76 triệu tấn (+4,1% svck) và sản lượng tiêu thụ nội địa là 2,63 triệu tấn (+4% svck). Trong năm 2025, chúng tôi dự báo LNTT sẽ tăng 6% đạt 4,67 nghìn tỷ đồng do sản lượng tiêu thụ xăng dầu tăng 4% svck.

**"Trong Q1/2024, LNTT tăng 72% svck và 70% so với quý trước đạt 1,44 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 50% kế hoạch LNTT năm 2024."**

Chúng tôi duy trì ước tính LNTT năm 2024 là 4,4 nghìn tỷ đồng (+12% svck). Chúng tôi duy trì dự báo sản lượng tiêu

# QNS



Giá mục tiêu: 55,800  
 Giá hiện tại: 49,900  
 Lợi nhuận kỳ vọng: 11.8%  
 Vùng mua: 46,000 - 48,000

+/- Doanh thu (Q1/24): 18.4%  
 +/- LNST (Q1/24): 68.0%  
 EPS: 6,737 P/E: 7.4  
 ROE: 29.1% P/B: 2.2

Tổng doanh thu tháng 5/2024 đạt 1.000 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ và LNTT giảm 1% so với cùng kỳ xuống 245 tỷ đồng. Doanh thu mảng đường giảm 16% so với cùng kỳ xuống 410 tỷ đồng do sản lượng tiêu thụ đường giảm 23% xuống 20.000 tấn. LNTT mảng đường không thay đổi ở mức 120 tỷ đồng. Doanh thu mảng sữa đậu nành giảm 4% so với cùng kỳ xuống 425 tỷ đồng, với sản lượng tiêu thụ ở mức 26 triệu lít, tăng 2% so với cùng kỳ. LNTT giảm 20% xuống 80 tỷ đồng.

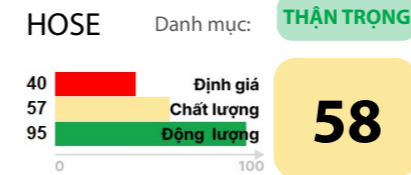
LNTT tăng 26% so với cùng kỳ lên 1.050 tỷ đồng.

Tính chung tháng 4-5/2024, tổng doanh thu giảm 19% xuống 1.900 tỷ đồng trong khi LNTT không thay đổi ở mức 471 tỷ đồng. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024, tổng doanh thu đạt 4.500 tỷ đồng, tăng 1,5% so với cùng kỳ, trong khi

Cho năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần đạt 10.441 tỷ đồng, tăng 4,1% so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần ở mức 2.441 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ. Mặc dù tốc độ tăng của lợi nhuận trong các quý sắp tới sẽ chậm lại do năm 2023 có mức nền cao, lợi suất cổ tức của QNS vẫn hấp dẫn ở mức 8%.

**"Tổng doanh thu tháng 5/2024 đạt 1.000 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ và LNTT giảm 1% so với cùng kỳ xuống 245 tỷ đồng."**

# REE



Giá mục tiêu: 64,500  
 Giá hiện tại: 63,500  
 Lợi nhuận kỳ vọng: 1.6%  
 Vùng mua: 56,000 - 60,000

+/- Doanh thu (Q1/24): -22.4%  
 +/- LNST (Q1/24): -35.5%  
 EPS: 4,092 P/E: 15.5  
 ROE: 9.4% P/B: 1.5

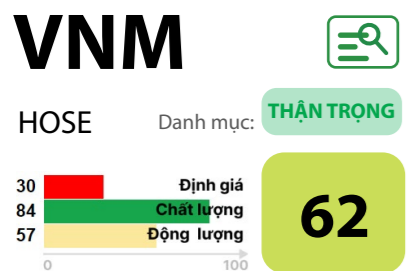
REE ghi nhận KQKD Q1/2024 yếu với doanh thu 1.837 tỷ đồng (-22% YoY) với LNST 362 tỷ đồng (-36% YoY) do kết quả kém khả quan của mảng tiện ích công cộng.

Q1/2024, LNST mảng điện của REE giảm 52% YoY.

Trong Q1/2024, mặc dù sản lượng tiêu thụ điện của nền kinh tế tăng trưởng 12% svck, mức tăng này được đóng góp chủ yếu bởi nhiệt điện than (+43% YoY) trong khi sản lượng huy động từ thủy điện giảm 30% YoY. Đồng thời, trong năm 2024, các nhà máy thủy điện bị siết hệ số alpha (tăng mạnh tỷ lệ sản lượng điện hợp đồng) khiến hiệu quả vận hành giảm đáng kể svck. Các nhà máy thủy điện lớn thuộc danh mục đầu tư của REE theo đó ghi nhận KQKD Q1 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2023. Sự kém khả quan này dự kiến sẽ tiếp diễn trong Q2/2024. Riêng

LNST Q2/2024 ước tính giảm nhẹ (-5% YoY) xuống 464 tỷ đồng chủ yếu do ảnh hưởng từ KQKD kém khả quan của mảng điện tiếp diễn trong nửa đầu năm (-20% YoY xuống 206 tỷ). Trong quý 2, REE đã bán thành công 5 triệu cổ phiếu PPC với giá trị ước tính đạt hơn 80 tỷ đồng. Cho cả năm 2024, chúng tôi dự phóng doanh thu 2024F đạt 9,2 nghìn tỷ (+7% YoY) và LNST đạt 2,4 nghìn tỷ (+10% YoY).

**"KQKD Q1/2024 yếu với doanh thu 1.837 tỷ đồng (-22% YoY) với LNST 362 tỷ đồng (-36% YoY) do kết quả kém khả quan của mảng tiện ích công cộng."**



Giá mục tiêu:	81,500	+/- Doanh thu (Q1/24):	1.4%
Giá hiện tại:	66,000	+/- LNST (Q1/24):	18.2%
Lợi nhuận kỳ vọng:	23.5%	EPS:	4,408
Vùng mua:	63,500 - 65,500	P/E:	15.0
		ROE:	26.0%
		P/B:	3.9

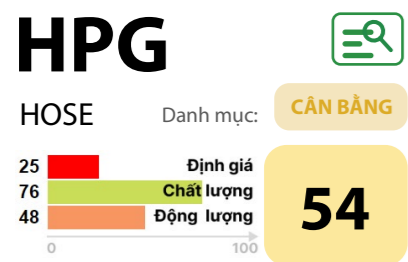
VNM đã công bố KQKD Q1/2024 với lợi nhuận thuần đạt 2.195 tỷ đồng (tăng 18,2% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 14,1 nghìn tỷ đồng (tăng 1,4% so với cùng kỳ). Doanh thu trong nước của công ty mẹ tăng 2% so với cùng kỳ đạt 10.180 tỷ đồng nhờ thị phần tăng thêm 50 điểm cơ bản. Trong tháng 4/2024, khi doanh thu trong nước tiếp tục tăng mạnh 10% so với cùng kỳ nhờ sản lượng tiêu thụ sữa nước và sữa chua tăng do nắng nóng, doanh thu xuất khẩu cũng tăng mạnh 16% so với cùng kỳ.

Chúng tôi dự báo doanh thu thuần lần lượt cho năm 2024 và 2025 đạt 63.151 tỷ đồng (tăng trưởng 5%) và 66.162 tỷ đồng (tăng trưởng 5%). Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận cao hơn, và dự báo lợi nhuận thuần cho

năm 2024-2025 lần lượt ở mức 10.026 tỷ đồng và 10.951 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng vững chắc 13% trong năm 2024 và 9% trong năm 2025.

VNM đang giao dịch ở định giá thấp với P/E trượt dự phóng 1 năm là 14,9 lần, thấp hơn 2,1 độ lệch chuẩn so bình quân quá khứ và thấp hơn 20% so với bình quân các công ty cùng ngành trong khu vực. Do VNM đang có chuyển biến tích cực về lợi nhuận, chúng tôi cho rằng cổ phiếu đang rất rẻ.

**"Doanh thu lũy kế 4 tháng đầu năm tăng 4% svck (trong đó xuất khẩu tăng 16% svck) và đặc biệt tăng 10% trong tháng 4."**



Giá mục tiêu:	33,900	+/- Doanh thu (Q1/24):	16.0%
Giá hiện tại:	28,350	+/- LNST (Q1/24):	622.2%
Lợi nhuận kỳ vọng:	19.6%	EPS:	1,455
Vùng mua:	27,000 - 28,300	P/E:	19.7
		ROE:	9.2%
		P/B:	1.8

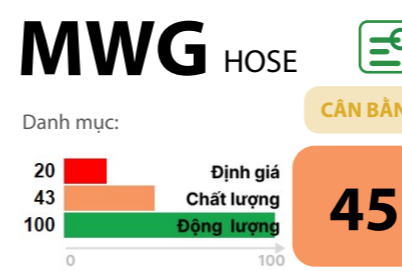
LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2024 của HPG đạt 2,9 nghìn tỷ đồng (+622% YoY) phù hợp với dự báo của chúng tôi. LNST sau lợi ích CĐTTS tăng trưởng mạnh nhờ 1) các sản phẩm thép tăng trưởng tốt từ mức cơ sở thấp trong năm 2023 và 2) biên lợi nhuận tăng nhờ chênh lệch đầu vào đầu ra tăng. Trong quý 1/2024, doanh số bán thép xây dựng của HPG tăng 10% YoY, vượt mức giảm 2% YoY của ngành và nâng thị phần lên mức kỷ lục 37%. Doanh số bán thép cuộn cán nóng (HRC) của HPG cũng tăng trưởng ấn tượng 67% YoY.

Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng biên lợi nhuận gộp sẽ cải thiện vào năm 2024 nhờ tăng trưởng sản lượng bán hàng và chênh lệch đầu vào-đầu ra cao hơn. Sau giai đoạn giảm

trong quý 2-quý 3/2023, giá bán trung bình của các sản phẩm thép chủ lực của HPG, bao gồm thép xây dựng và HRC, tăng vừa phải trong quý 4/2023 đến đầu năm 2024. Tuy nhiên, nhu cầu yếu từ Trung Quốc đã khiến giá hầu hết các sản phẩm thép đi ngang từ đầu năm 2024.

Chúng tôi cho rằng HPG có định giá hấp dẫn với P/E dự phóng năm 2024/25 ở mức 12,4 lần/9,5 lần so với dự báo EPS tăng trưởng mạnh trong năm 2024/25.

**"Trong quý 1/2024, doanh số bán thép xây dựng của HPG tăng 10% YoY, vượt mức giảm 2% YoY của ngành và nâng thị phần lên mức kỷ lục 37%."**



Giá mục tiêu:	74,000	+/- Doanh thu (Q1/24):	16.2%
Giá hiện tại:	65,800	+/- LNST (Q1/24):	4143.4%
Lợi nhuận kỳ vọng:	12.5%	EPS:	717
Vùng mua:	53,000 - 59,000	P/E:	91.7
		ROE:	4.4%
		P/B:	4.0

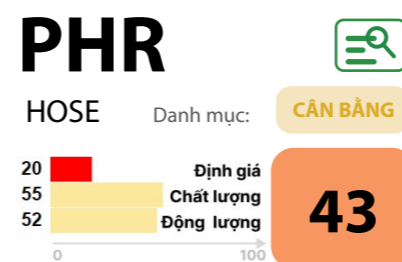
Doanh thu (DT) tháng 4/2024 của MWG đạt mức cao 11.553 tỷ đồng, tăng 17% so với tháng trước và 12% so với cùng kỳ, phản ánh sự phục hồi DT thuần tại các chuỗi cửa hàng điện thoại- điện máy TGDD & ĐMX, trong khi DT trên mỗi cửa hàng tại chuỗi bách hóa BHX (MWG sở hữu 95% cổ phần) cao hơn tháng trước và thiết lập mức cao mới.

TGDD & ĐMX là động lực tăng trưởng chính của MWG. DT thuần của 2 chuỗi cửa hàng tăng mạnh chủ yếu do nhu cầu máy lạnh và quạt máy tăng đột biến. Biên lợi nhuận (BLN) của chuỗi TGDD & ĐMX phục hồi mạnh lên 5,1% trong Q1/2024 nhờ (1) BLN gộp tăng, do cơ cấu sản phẩm tốt hơn (DT hàng điện máy tăng) và giảm cạnh tranh về giá bán và (2) tiết giảm chi phí vận hành.

Cho Q2/2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của MWG đạt lần lượt 33.972 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ) và 1.156 tỷ đồng (tăng 66 lần so với cùng kỳ). Chúng tôi dự báo LN thuần năm 2024-2025 của MWG đạt 4.381 tỷ đồng và 6.058 tỷ đồng. Cho năm 2026, dự báo LN thuần của MWG đạt 7.533 tỷ đồng.

MWG đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2025 là 15,8%, thấp hơn 5% so với mức bình quân của các công ty cùng ngành.

**"Doanh thu tháng 4/2024 đạt mức cao 11.553 tỷ đồng, tăng 17% so với tháng trước và 12% so với cùng kỳ, phản ánh sự phục hồi DT thuần tại các chuỗi cửa hàng điện thoại- điện máy TGDD & ĐMX."**



Giá mục tiêu:	75,500	+/- Doanh thu (Q1/24):	-0.9%
Giá hiện tại:	60,500	+/- LNST (Q1/24):	-67.9%
Lợi nhuận kỳ vọng:	24.8%	EPS:	3,449
Vùng mua:	54,000 - 57,500	P/E:	17.5
		ROE:	12.5%
		P/B:	2.2

Chúng tôi lạc quan về triển vọng tích cực của mảng BĐS KCN của PHR trong trung hạn và dài hạn khi công ty sở hữu tổng cộng hơn 10.000ha đất cao su tại tỉnh Bình Dương. Khoảng 30% trong số đó có thể chuyển dần thành đất KCN trong tương lai. Hơn nữa, các KCN lớn của PHR đều tọa lạc tại các vị trí chiến lược như Bình Dương và TP.HCM.

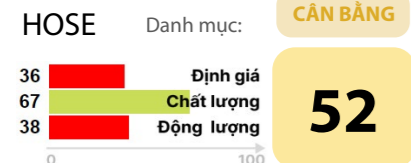
Chúng tôi giảm 5,2% dự báo lợi nhuận thuần năm 2024 xuống 380 tỷ đồng, giảm 39% so với năm 2023 do PHR ghi nhận một phần tiền bồi thường đất đợt 2 trong năm 2023, sớm hơn dự báo của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi giảm 11% dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2025 do lùi thời gian triển khai KCN Tân Lập 1, dự báo mới cho năm 2025

vẫn tăng trưởng 14% đạt 434 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi vẫn dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm đạt 6%.

PHR đang giao dịch ở mức chiết khấu 23,3% so với RNAV, lớn hơn một chút so với bình quân 3 năm là 21,5%. Lợi suất cổ tức cho năm 2023 có vẻ tốt ở mức 9%. Chúng tôi dự báo lợi suất cổ tức cho năm 2024 và 2025 sẽ lần lượt là 3-4%.

**"Triển vọng của mảng BĐS KCN của PHR vẫn tích cực trong trung hạn và dài hạn khi công ty sở hữu tổng cộng hơn 10.000ha đất cao su tại tỉnh Bình Dương."**

# VPB



Giá mục tiêu:	23,100
Giá hiện tại:	19,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	21.6%
Vùng mua:	17,200 - 18,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	8.5%
+/- LNST (Q1/24):	40.6%
EPS: 1,397	P/E: 13.6
ROE: 8.9%	P/B: 1.2

LNTT Q1-2024 đạt 4,2 nghìn tỷ đồng, tăng 64% YoY nhờ tăng trưởng LNTT 20% tại NH mẹ, và FE Credit giảm lỗ 52% YoY, qua đó, hoàn thành 18% KH LNTT cả năm.

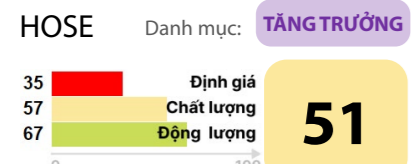
Chất lượng tài sản chưa cải thiện rõ rệt: Tỷ lệ NPL hợp nhất và NH mẹ đều cải thiện nhẹ, lần lượt giảm xuống 4,25% (-21 bps QoQ) và 2,91% (-4 bps QoQ). Tỷ lệ NPL tại FE Credit đã giảm xuống 17% từ mức trên 20% của quý trước sau những nỗ lực xử lý rủi ro tín dụng trong thời gian qua. Mặc dù vậy, tổng dư nợ tái cơ cấu theo TT02 đạt 11,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,3 nghìn tỷ so với quý trước.

Cho năm 2024, chúng tôi dự phóng LNTT hợp nhất đạt 20,6 nghìn tỷ đồng, tăng 87% YoY chủ yếu nhờ FE Credit

ghi nhận LNTT 700 tỷ đồng (so với mức lỗ 3,7 nghìn tỷ đồng năm 2023), và LNTT VPB mẹ tăng trưởng 36% YoY. Động lực chính đối với triển vọng lợi nhuận là CP dư phòng giảm 15% YoY nhờ kiểm soát chặt chẽ hơn chính sách tín dụng và NIM hợp nhất mở rộng 30 bps so với năm 2023 lên 5,9%.

**“LNTT Q1-2024 đạt 4,2 nghìn tỷ đồng, tăng 64% YoY nhờ tăng trưởng LNTT 20% tại NH mẹ, và FE Credit giảm lỗ 52% YoY.”**

# KDH



Giá mục tiêu:	40,300
Giá hiện tại:	37,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	8.9%
Vùng mua:	32,500 - 34,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	-21.5%
+/- LNST (Q1/24):	-68.4%
EPS: 726	P/E: 51.0
ROE: 3.9%	P/B: 2.0

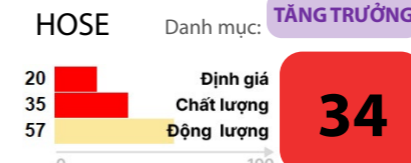
Sau thành công của dự án Privia tại Bình Tân, KDH tiếp tục triển khai Emeria và Clarita, hai dự án mới hợp tác với Keppel Land tại thành phố Thủ Đức (trước đây là Quận 9, khu Đông TP.HCM). Với tổng cộng 800 sản phẩm tại 2 dự án, Công ty dự kiến sẽ mở bán 200 căn nhà phố/biệt thự đầu tiên trong Q4/2024, nhằm hướng đến phân khúc trung-cao cấp. Ngoài ra, dự án KCN Lê Minh Xuân cũng đang có những bước tiến pháp lý đáng kể.

Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2024, nhưng giảm lần lượt 11,4% và 21,1% dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2025-2026 do điều chỉnh giả định số lượng sản phẩm bàn giao. Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng doanh số bán nhà sẽ phục hồi đáng kể từ năm 2025. Theo

đó, giai đoạn 2024-2026, dự báo mới của chúng tôi, tuy thấp hơn 16% so với bình quân dự báo thị trường, vẫn cho thấy lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm đạt 24,8%, thấp hơn 8% với dự báo trước đó.

**“Công ty dự kiến sẽ mở bán 200 căn nhà phố/biệt thự đầu tiên trong Q4/2024, nhằm hướng đến phân khúc trung-cao cấp.”**

# MSN



Giá mục tiêu:	85,600
Giá hiện tại:	76,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	12.6%
Vùng mua:	67,500 - 71,000

+/- Doanh thu (Q1/24):	0.8%
+/- LNST (Q1/24):	-51.4%
EPS: 204	P/E: 373.2
ROE: 0.8%	P/B: 3.0

Trong Q1/2024, Tập đoàn MSN đạt 18,85 nghìn tỷ đồng doanh thu (+0,8% svck) và LNST đạt 479 tỷ đồng (+9,6% svck). Tuy nhiên, NPATMI chỉ đạt 104 tỷ đồng (-51,4% svck), thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi do kết quả kinh doanh của MSR thấp hơn kỳ vọng. Về doanh thu, tăng trưởng doanh thu được ghi nhận ở tất cả các mảng hoạt động liên quan đến hàng tiêu dùng bao gồm MCH (+7,4% svck), WCM (+8,5% svck) và MML (+7,5% svck), bù đắp cho mức giảm doanh thu của mảng khai khoáng MHT (-18,4% svck). Về mặt lợi nhuận, động lực tăng trưởng chính đến từ lợi nhuận tích cực của TCB (+28% svck) và EBITDA cao hơn tại MCH, WCM và MML. Trong khi đó, kết quả kinh doanh kém khả quan của MSR kéo lùi tăng trưởng tổng thể.

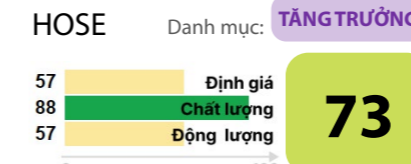
Trong năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và

NPATMI cốt lõi lần lượt đạt 89,8 nghìn tỷ đồng (+14% svck) và 1,1 nghìn tỷ đồng (+161% svck). NPATMI ước tính của chúng tôi gần với biên dưới theo kế hoạch của công ty đạt khoảng 1-2 nghìn tỷ đồng cho năm 2024. Chúng tôi chưa đưa khoản lợi nhuận bất thường từ việc thoái vốn HCS vào dự phóng.

Lợi nhuận Q2/2024 dự kiến sẽ cải thiện khá tốt so với cùng kỳ. Đồng thời, thông tin liên quan đến kế hoạch chia cổ tức đặc biệt bằng tiền mặt/niêm yết HOSE của MCH hoặc ghi nhận số tiền từ việc thoái vốn HCS đều sẽ là các yếu tố hỗ trợ tăng giá cổ phiếu.

**“Trong Q1/2024, Tập đoàn MSN đạt 18,85 nghìn tỷ đồng doanh thu (+0,8% svck) và LNST đạt 479 tỷ đồng (+9,6% svck).”**

# ACB



Giá mục tiêu:	27,400
Giá hiện tại:	23,800
Lợi nhuận kỳ vọng:	15.1%
Vùng mua:	21,500 - 22,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	3.1%
+/- LNST (Q1/24):	-5.6%
EPS: 3,541	P/E: 6.7
ROE: 23.0%	P/B: 1.5

Trong Q1/2024, ACB đã đạt mức tăng trưởng tín dụng tốt là 3,8% so với đầu năm đạt 506,1 nghìn tỷ đồng. Sau khi cập nhật CIC, tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,45% trong Q1/2024 (so với mức 1,21% tại cuối Q4/2023) và cao hơn mức 1,3% trước khi cập nhật CIC. Mặc dù bancassurance giảm gần 17% svck đạt 298 tỷ đồng trong Q1/2024, nhưng thu nhập phí ròng vẫn phục hồi 18,8% svck đạt 745 tỷ đồng.

Trong năm 2024, chúng tôi nâng kỳ vọng tăng trưởng tín dụng lên 17% svck đạt 570,5 nghìn tỷ đồng. Chi phí tín dụng dự kiến ở mức 0,35% và hạn chế mức NIM cải thiện (+2 điểm cơ bản svck). Tổng thu nhập phí ròng ngoài lãi dự kiến sẽ giảm 21% svck đạt 6,2 nghìn tỷ đồng. Theo đó,

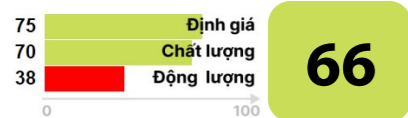
chúng tôi ước tính LNTT năm 2024 đạt 22 nghìn tỷ đồng (+10% svck).

Với ROE kỳ vọng duy trì trên 20% trong trung hạn cùng với NIM và chất lượng tài sản tốt, chúng tôi cho rằng ACB là một trong những lựa chọn đầu tư tốt nhất trong thị trường nhiều biến động như hiện tại.

**“Trong Q1/2024, ACB đã đạt mức tăng trưởng tín dụng tốt là 3,8% so với đầu năm đạt 506,1 nghìn tỷ đồng.”**

# KBC

HOSE Danh mục: **TĂNG TRƯỞNG**



Giá mục tiêu:	41,000
Giá hiện tại:	29,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	39.9%
Vùng mua:	27,200 - 28,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	-93.1%
+/- LNST (Q1/24):	-109.1%
EPS:	1,274
P/E:	22.7
ROE:	4.9%
P/B:	1.1

Kế hoạch công ty năm 2024: Ban lãnh đạo KBC giữ kế hoạch năm 2024 được phê duyệt tại ĐHCĐ bất thường vào tháng 3/2024, với kế hoạch doanh thu và LNST lần lượt là 9 nghìn tỷ đồng (+60% svck) và 4 nghìn tỷ đồng (+78% svck), dự kiến không chi trả cổ tức.

Cập nhật dự án: Khu công nghiệp Trảng Duệ 3 (687 ha tại Hải Phòng) vẫn đang chờ Thủ tướng Chính phủ chấp thuận quyết định đầu tư; Khu đô thị Phúc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (114,5 ha) đang chờ Chính quyền địa phương phê duyệt pháp lý; Khu đô thị Trảng Cát (584 ha, tại Hải Phòng) trong thời gian chờ phê duyệt các thủ tục pháp lý còn lại, KBC đang triển khai san lấp mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án; Ngoài ra, KBC cũng đã được phê duyệt

quyết định chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư tại một số KCN, cụm công nghiệp như KCN Tân Tập, Lộc Giang tại tỉnh Long An, cụm công nghiệp phụ trợ Trảng Duệ (58,7 ha tại Hải Phòng), cụm công nghiệp Tân Tập, Phước Vĩnh Đồng (tại tỉnh Long An).

KBC đề xuất tăng thêm vốn chủ sở hữu thông qua phát hành riêng lẻ, theo đó KBC sẽ phát hành 250 triệu cổ phiếu. Số tiền thu được sẽ được sử dụng để i) tăng vốn lưu động, ii) trả một phần nợ hiện tại và iii) góp vốn vào các công ty con để tăng quy mô hoạt động của KBC.

**“Kế hoạch doanh thu và LNST lần lượt là 9 nghìn tỷ đồng (+60% svck) và 4 nghìn tỷ đồng (+78% svck), dự kiến không chi trả cổ tức.”**

# PVT

HOSE Danh mục: **MIDCAP**



Giá mục tiêu:	33,000
Giá hiện tại:	29,500
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.9%
Vùng mua:	26,000 - 27,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	24.1%
+/- LNST (Q1/24):	27.0%
EPS:	2,863
P/E:	10.3
ROE:	11.5%
P/B:	1.2

Trong Q1/2024, nhờ 1) mở rộng đội tàu mặng vận tải hóa chất và 2) giá thuê tàu vận tải dầu thô tăng 10% YoY, doanh thu của PVT tăng trưởng 24% YoY, đạt 2.536 tỷ đồng, trong khi biên lợi nhuận gộp (LNG) tăng lên 21% so với mức 16% trong Q1/2023, giúp LNST đạt 231 tỷ đồng (+27% YoY).

Mảng vận tải hóa chất dẫn dắt tăng trưởng doanh thu Q1/2024: Nhờ tăng sản lượng khai thác từ 5 tàu mới nên mặc dù giá cước phân khúc hóa chất trung bình giảm 5% YoY, doanh thu vận tải hóa chất Q1/2024 tăng trưởng 49% YoY, đóng góp 36% trong tổng doanh thu toàn công ty. Kết quả, biên LNG tăng lên 25% so với 21% trong Q1/2023.

Vận tải dầu thô và khí LPG: sản lượng vận chuyển nội địa giảm được bù đắp bởi giá thuê tàu tăng; Mảng hàng rời:

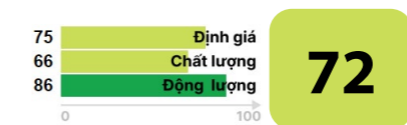
Bắt đầu phục hồi từ Q4/2023 nhờ nhu cầu vận chuyển vật liệu xây dựng (quặng sắt, thép, cát) đến Trung Quốc và than cho các nhà máy điện tại Việt Nam tăng.

Năm 2024, doanh thu phân khúc vận tải hóa chất tăng 49% YoY bù đắp sự sụt giảm doanh thu mảng dầu thô và LPG, giúp doanh thu toàn công ty tăng 4% YoY, đạt 9.931 tỷ đồng. Từ đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện 300 bps YoY giúp LNST tăng 27% YoY. EPS tương ứng là 2.838 đồng (2023: 2.829 đồng).

**“Doanh thu Q1/2024 đạt 2.536 tỷ đồng (+24% YoY). Biên lợi nhuận gộp tăng 500 bps YoY giúp LNST tăng 27% YoY, đạt 231 tỷ đồng.”**

# QTP

UPCoM Danh mục: **MIDCAP**



Giá mục tiêu:	18,500
Giá hiện tại:	16,600
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.4%
Vùng mua:	15,000 - 16,000

+/- Doanh thu (Q1/24):	0.5%
+/- LNST (Q1/24):	57.4%
EPS:	1,549
P/E:	10.7
ROE:	13.0%
P/B:	1.4

Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo sẽ tăng 38% YoY vào năm 2024, nhờ (1) sản lượng điện thương phẩm tăng 1% YoY và (2) giá bán trung bình tăng 2% YoY, (3) chi phí khấu hao ước tính của chúng tôi giảm 284 tỷ đồng và (4) chi phí lãi vay giảm 67% YoY. Trong quý 1/2024, QTP ghi nhận LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt mức cao 227 tỷ đồng (+57% YoY).

Chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) EPS là 21% trong giai đoạn 2023- 26, nhờ (1) hiệu suất hoạt động bền vững cao ở mức 68-75%, (2) chi phí khấu hao thấp hơn, (3) giá CGM cao hơn và (4) chi phí than giảm.

Định giá của QTP có vẻ hấp dẫn với (1) P/E dự phóng năm 2024 là 9,5 lần, thấp hơn 24% so với mức trung bình 4 năm của trung vị các công ty cùng ngành trong khu vực của chúng tôi và (2) lợi suất cổ tức dự phóng ở mức cao (11-13%).

**“Trong quý 1/2024, QTP ghi nhận LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt mức cao 227 tỷ đồng (+57% YoY).”**

# BAF

HOSE Danh mục: **MIDCAP**

Giá mục tiêu:	27,000
Giá hiện tại:	19,700
Lợi nhuận kỳ vọng:	37.1%
Vùng mua:	17,700 - 18,800

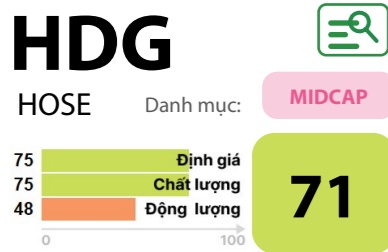
+/- Doanh thu (Q1/24):	58.2%
+/- LNST (Q1/24):	3647.9%
EPS:	577
P/E:	34.2
ROE:	7.0%
P/B:	2.4

KQKD Q1/2024 của BAF tích cực, LNST tăng 3.648% sv nền thấp của cùng kỳ nhờ sự cải thiện mạnh của 3 yếu tố là 1) doanh thu tăng trưởng, 2) biên lợi nhuận gộp cải thiện và 3) ghi nhận lợi nhuận bất thường từ thanh lý tài sản. Trong đó, sản lượng heo hơi xuất bán Q1/2024 tăng 33% svck (+35% QoQ), giá heo trung bình tăng 7,8% svck (+6,2% QoQ) giúp doanh thu mảng chăn nuôi của BAF tăng 53,6% svck (+59,5% QoQ).

Về biên lợi nhuận gộp đã tăng lên 29,2% trong Q1/2024 so với 3,1% quý trước và 17,3% svck khi giá nguyên liệu sản xuất TACN giảm mạnh và giá bán tăng. Ngoài ra, trong kỳ BAF đã thanh lý BĐS đã đầu tư và ghi nhận 55,2 tỷ đồng doanh thu tài chính giúp LNST của BAF đạt 119,5 tỷ đồng (+3.648 svck) so với 3,2 tỷ cùng kỳ và lỗ 23,9 tỷ quý trước.

Cho nửa cuối năm 2024, chúng kỳ vọng sẽ có nhiều điểm thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của BAF khi giá bán và chi phí đầu vào giảm. Cụ thể, về giá bán (1) Cung cầu heo hơi trong nước sẽ ổn định hơn và lượng cung có thể thiếu hụt trong ngắn hạn sau đà bán chạy dịch kéo dài từ nửa cuối năm 2023 cho đến hiện tại, và 2) sự kiểm soát chặt về yêu cầu môi trường, đòi hỏi hộ chăn nuôi phải có cách thức xử lý phân và vệ sinh chuồng trại ở một số địa phương (Đồng Nai và Bình Dương) trước khi Luật chăn nuôi có hiệu lực vào đầu năm 2025. Điều này giúp các doanh nghiệp lớn như BAF được hưởng lợi.

**“KQKD Q1/2024 của BAF tích cực, LNST tăng 3.648% sv nền thấp của cùng kỳ.”**



Giá mục tiêu:	33,000
Giá hiện tại:	28,900
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.2%
Vùng mua:	25,000 - 27,500

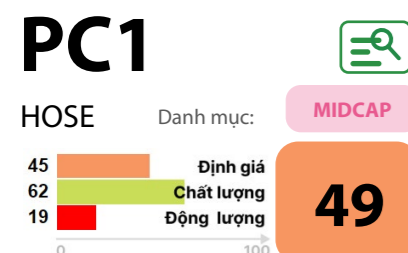
+/- Doanh thu (Q1/24):	-11.3%
+/- LNST (Q1/24):	-26.9%
EPS: 1,873	P/E: 15.4
ROE: 8.8%	P/B: 1.4

Doanh thu và LNST Q1/2024 lần lượt đạt 848 tỷ đồng (-11,3% svck) và 264 tỷ đồng (-26,0% svck). Chúng tôi cho rằng lợi nhuận giảm là mảng điện tiếp tục hoạt động kém hiệu quả (từ cả thủy điện và năng lượng tái tạo). Mảng điện ghi nhận doanh thu giảm 24% svck và lợi nhuận gộp giảm 33% svck chủ yếu do sản lượng giảm 30%. Đối với mảng bất động sản, theo HDG, trong Q1/2024 công ty đã hoàn thành bàn giao toàn bộ số căn đã bán còn lại từ các đợt bán trước của dự án Hado Charm Villas với doanh thu 315 tỷ đồng.

500 đồng/cổ phiếu và chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu (tức là 10 cổ phiếu do nhà đầu tư nắm giữ thì có thêm 1 cổ phiếu). Đối với năm 2024, công ty cũng đưa ra kế hoạch chia cổ tức ban đầu là 15% trên vốn điều lệ.

**“Doanh thu và LNST Q1/2024 lần lượt đạt 848 tỷ đồng (-11,3% svck) và 264 tỷ đồng (-26,0% svck), nguyên nhân đến từ mảng điện tiếp tục hoạt động kém hiệu quả (từ cả thủy điện và năng lượng tái tạo).”**

Trong năm 2024, HDG đặt kế hoạch doanh thu và LNST năm 2024 lần lượt là 2,9 nghìn tỷ đồng (+0,2% svck) và 972 tỷ đồng (+12,2% svck). Về kế hoạch phân phối lợi nhuận, công ty dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2023 là



Giá mục tiêu:	31,400
Giá hiện tại:	29,600
Lợi nhuận kỳ vọng:	6.1%
Vùng mua:	25,000 - 27,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	43.8%
+/- LNST (Q1/24):	449.4%
EPS: 651	P/E: 45.5
ROE: 2.8%	P/B: 1.3

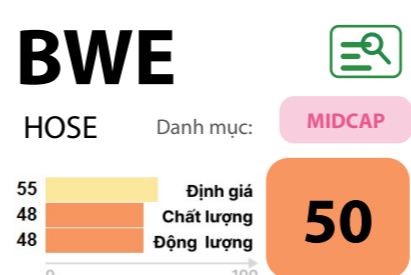
PC1 ghi nhận KQKD Q1/2024 tích cực với doanh thu 2.165 tỷ đồng (+44% YoY) với LNST 81 tỷ đồng (+449% YoY) nhờ đóng góp của mảng khai khoáng mỏ niken.

Mảng điện ghi nhận KQKD kém tích cực do sản lượng điện giảm 10% YoY còn 163 triệu kWh.

Chúng tôi dự phóng doanh thu 2024F đạt 10.245 tỷ (+31% YoY) với LNST đạt 426 tỷ (+212% YoY), chủ yếu nhờ (1) KQKD tích cực của hai mảng xây lắp và sản xuất công nghiệp và (2) đóng góp cả năm của mảng khai thác khoáng sản mỏ niken.

**“KQKD Q1/2024 tích cực với doanh thu 2.165 tỷ đồng (+44% YoY) với LNST 81 tỷ đồng (+449% YoY) nhờ đóng góp của mảng khai khoáng mỏ niken.”**

Mảng xây lắp & sản xuất công nghiệp tăng trưởng tích cực so với năm 2023, do nhu cầu triển khai thi công xây lắp và cung cấp vật tư đối với các dự án của Tập đoàn Điện Lực (EVN). Tổng doanh thu hai mảng trên đạt 850 tỷ (+50% YoY) và tổng lợi nhuận gộp đạt hơn 80 tỷ đồng (+80% YoY). Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng đóng góp vào lợi nhuận gộp của 2 mảng này chưa lớn do biên lợi nhuận gộp của hai mảng trên không cao, ở mức 10%. Mảng khai khoáng ghi nhận doanh thu 478 tỷ và lợi nhuận gộp 135 tỷ.



Giá mục tiêu:	52,000
Giá hiện tại:	45,200
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.9%
Vùng mua:	40,000 - 42,500

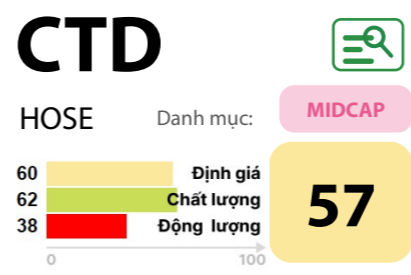
+/- Doanh thu (Q1/24):	16.3%
+/- LNST (Q1/24):	27.3%
EPS: 3,228	P/E: 14.0
ROE: 14.6%	P/B: 2.1

BWE đặt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận 2024 lần lượt là 4,100 tỷ (+4% yoy) và 700 tỷ (+17% yoy). Sản lượng nước thương phẩm theo kế hoạch năm 2024 là 192,700,000 m3 (+5% yoy). Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam bắt đầu hồi phục trở lại từ cuối năm 2023, chúng tôi cho rằng kế hoạch của BWE hoàn toàn khả thi.

Các khoản đầu tư lớn giai đoạn 2020 - 2023 khiến nợ vay của BWE tăng mạnh từ 3,500 tỷ lên 5,430 tỷ, trong đó nhiều khoản vay bằng USD. Giai đoạn 2022 - 2023, BWE phải gánh chịu chi phí tài chính rất lớn do cả lãi suất và tỷ giá USD/VND đều tăng. Chúng tôi cho rằng gánh nặng này sẽ giảm đi đáng kể cho giai đoạn 2024 - 2025 khi môi

Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ Q1/2024 tăng 27,3% so với cùng kỳ 2023, lên hơn 179 tỷ đồng, chủ yếu nhờ 1) lợi nhuận gộp tăng 18% do sản lượng nước thương phẩm tăng mạnh trong khi tỷ lệ thất thoát nước giảm 40 điểm cơ bản xuống 4,8% (so với mức 5,2% quý 1/2023) cùng với đóng góp lợi nhuận từ Biwase Long An.

**“Trong Q1/2024, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ tăng 27,3% so với cùng kỳ 2023, lên hơn 179 tỷ đồng.”**



Giá mục tiêu:	85,000
Giá hiện tại:	71,200
Lợi nhuận kỳ vọng:	19.4%
Vùng mua:	61,000 - 66,000

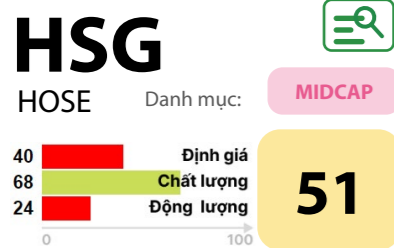
+/- Doanh thu (Q3/24):	49.1%
+/- LNST (Q3/24):	374.8%
EPS: 2,710	P/E: 26.3
ROE: 3.2%	P/B: 0.8

KQKD Q3/2024 theo năm tài chính mới của CTD tích cực với doanh thu đạt 4.666 tỷ, +49,1% svck. Dù có giảm nhẹ -17,6% sv quý trước do ảnh hưởng từ kỳ nghỉ tết nguyên đán nhưng đây là quý CTD ghi nhận doanh thu cao nhất lịch sử trong các Q1 nhờ lượng back-log dồi dào trước đó. Biên lợi nhuận gộp đạt 4,7% so với mức 1,8% cùng kỳ khi công ty hạch toán tỷ trọng doanh thu cao từ các dự án có biên lợi nhuận tốt như Lego và là động lực chính giúp LNST tăng trưởng +375,5 svck. Bên cạnh KQKD tích cực, CTD còn ghi nhận lượng backlog lớn với giá trị ước tính đạt trên 20.000 tỷ đến đầu T5/2024.

cần hộ mở bán và tỷ lệ hấp thụ hồi phục rõ ràng ở các thành phố lớn như Hà Nội và TP. HCM. Trong khi đó, số liệu Bộ KHĐT cho thấy các NĐTNN vẫn rất lạc quan về triển vọng ngành BĐS và lĩnh vực sản xuất trong nước. Với lợi thế là doanh nghiệp đầu ngành và năng lực tốt trong việc xây dựng các dự án FDI, chúng tôi cho rằng CTD sẽ tiếp tục hưởng lợi từ xu hướng phục hồi của ngành và dòng vốn đầu tư xây dựng từ các NĐTNN.

**“KQKD Q3/2024 theo năm tài chính mới của CTD tích cực với doanh thu đạt 4.666 tỷ, +49,1% svck.”**

Theo số liệu từ Savills thị trường BĐS trong nước đang ghi nhận dấu hiệu hồi phục trên diện rộng, trong đó số lượng



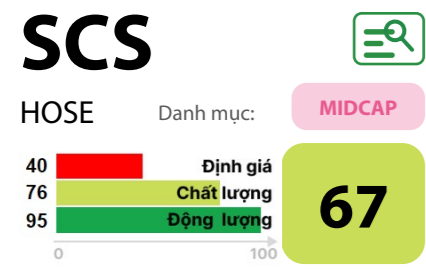
Giá mục tiêu:	28,500
Giá hiện tại:	24,400
Lợi nhuận kỳ vọng:	16.8%
Vùng mua:	21,500 - 23,000

+/- Doanh thu (Q1/24):	32.5%
+/- LNST (Q1/24):	27.2%
EPS: 1,420	P/E: 17.2
ROE: 8.1%	P/B: 1.4

Trong Quý 2 của niên độ tài chính (NĐTC) 2024 (từ 01/10/2023 đến 30/9/2024), HSG ghi nhận doanh thu 9.248 tỷ đồng (+32%YoY, +2%QoQ), với sản lượng tôn mạ tiêu thụ 375 nghìn tấn (+62%YoY, +4%QoQ), đóng góp phần nhiều từ thị trường nước ngoài (chiếm 70% tổng sản lượng). Biên lợi nhuận gộp (GPM) tiếp tục duy trì ở 12,1%, với lợi nhuận gộp đạt 1.117 tỷ đồng (+18%QoQ, +24%YoY) và LNST công ty mẹ đạt 319 tỷ đồng (+209%QoQ, +27%YoY). Cho nửa sau NĐTC 2024, chúng tôi kì vọng sản lượng sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ phục hồi, với sản lượng bán hàng có thể đạt 700 nghìn tấn (tăng 13%YoY, với sản lượng trung bình đạt 116 nghìn tấn/tháng), trong đó nhu cầu nội địa có sự phục hồi (đặc biệt trong cuối NĐTC, khi bắt

đầu bước vào giai đoạn cao điểm xây dựng). Doanh thu từ đó có thể đạt 20 nghìn tỷ đồng (+20%YoY). Chúng tôi kỳ vọng giá HRC (cùng với giá thành phẩm) sẽ hồi phục về mức trung bình đạt USD600/tấn trong nửa sau 2024. Qua đó cho nửa sau NĐTC 2024, HSG có thể duy trì biên lợi nhuận gộp đạt 12,5% và lợi nhuận gộp đạt 2,500 tỷ đồng (+27%YoY). Lợi nhuận ròng cho nửa sau NĐTC 2024 của HSG có thể đạt 501 tỷ đồng (+11%YoY). Cho cả NĐTC, LNST-CĐM có thể đạt 923 tỷ đồng (x40 lần so với cùng kỳ), EPS 2024 là 1.393 đồng.

**“HSG ghi nhận doanh thu 9.248 tỷ đồng (+32%YoY, +2%QoQ). LNST công ty mẹ đạt 319 tỷ đồng (+209%QoQ, +27%YoY).”**



Giá mục tiêu:	95,600
Giá hiện tại:	86,300
Lợi nhuận kỳ vọng:	16.8%
Vùng mua:	81,000 - 85,500

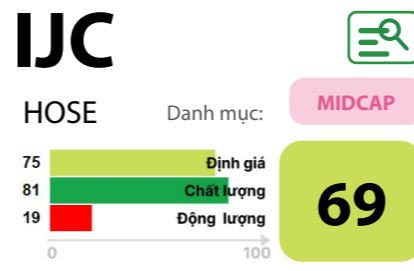
+/- Doanh thu (Q1/24):	31.3%
+/- LNST (Q1/24):	30.1%
EPS: 5,216	P/E: 16.5
ROE: 38.1%	P/B: 6.4

Sản lượng hàng hóa trong 4 tháng đầu năm 2024 của SCS tăng 40% so với cùng kỳ đạt 81.755 tấn. Trong đó, sản lượng hàng hóa quốc tế tăng 44% so với cùng kỳ đạt 59.624 tấn và sản lượng hàng hóa trong nước tăng 30% so với cùng kỳ đạt 22.131 tấn. Sản lượng hàng hóa tăng mạnh nhờ nhu cầu phục hồi và đóng góp từ một khách hàng mới, cụ thể là Qatar Airways, từ giữa tháng 2/2024. Nhằm phản ánh các xu hướng giúp sản lượng hàng hóa tăng mạnh trong 4 tháng đầu năm 2024, chúng tôi tăng bình quân 7% dự báo lợi nhuận giai đoạn 2024-2026. Hiện tại, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần năm 2024 tăng trưởng 36% đạt 675 tỷ đồng trên doanh thu thuần 983 tỷ đồng, tăng trưởng 40%. Cho năm 2025-2026, chúng tôi

dự báo lợi nhuận thuần tăng trưởng lần lượt 7% và 12% đạt 721 tỷ đồng và 807 tỷ đồng. Dự báo mới của chúng tôi cho thấy lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm đạt 17%.

SCS đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm ở mức 13,7 lần, hơi thấp hơn bình quân tính từ tháng 1/2019 là 14,3 lần.

**“Sản lượng hàng hóa trong 4 tháng đầu năm 2024 của SCS tăng 40% so với cùng kỳ đạt 81.755 tấn, nhờ nhu cầu phục hồi và đóng góp từ một khách hàng mới, cụ thể là Qatar Airways, từ giữa tháng 2/2024.”**



Giá mục tiêu:	17,500
Giá hiện tại:	14,80
Lợi nhuận kỳ vọng:	18.2%
Vùng mua:	13,500 - 14,500

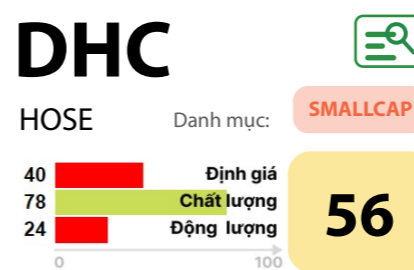
+/- Doanh thu (Q1/24):	-51.8%
+/- LNST (Q1/24):	-63.5%
EPS: 865	P/E: 17.1
ROE: 8.3%	P/B: 1.4

Quý 1/2024, IJC ghi nhận KQKD kém khả quan với tổng doanh thu ghi nhận 162 tỷ đồng (-52% svck), trong đó mảng bất động sản ghi nhận sụt giảm mạnh với doanh thu 3,2 tỷ đồng (cùng kỳ ghi nhận 183 tỷ đồng), LNST công ty mẹ đạt 39,2 tỷ đồng, với kết quả này công ty chỉ mới hoàn thành 7,8% kế hoạch LNST cho năm 2024.

Trong đóng góp vào kế hoạch kinh doanh năm 2024 dự kiến, mảng bất động sản tiếp tục đóng vai trò chủ lực với các dự án: Sunflower 2 (doanh thu 790 tỷ đồng, tương ứng 71 căn), KDC Hòa Lợi (doanh thu 242 tỷ đồng, Prince Town mở rộng 106 tỷ đồng). Mảng thu phí kỳ vọng sẽ có sự phục hồi so với năm 2023. Các mảng doanh thu khác như xây dựng (413 tỷ đồng), khách sạn (215 tỷ đồng)...tổng cộng đóng góp khoảng 755 tỷ đồng.

Về tiến độ các dự án (1) Becamex Bình Phước: Quỹ đất sạch sẵn sàng cho thuê là 1.154 ha (đã đền bù GPMB 1.800 ha), dự kiến kế hoạch kinh doanh cho khu này năm 2024 với doanh thu khoảng 512 tỷ đồng và LNST khoảng 128 tỷ đồng, duy trì đà tăng trưởng so với năm 2023; (2) Quốc lộ 13 mở rộng: đang tiếp tục thi công và đang làm việc với cơ quan chức năng để di dời đường điện, hiện các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đang xem xét để giao về tỉnh Bình Dương quản lý và dự kiến sẽ mở rộng tới thị xã Bến Cát và IJC sẽ trình bổ sung dự án thành phần.

**“Quý 1/2024, IJC ghi nhận KQKD kém khả quan với tổng doanh thu ghi nhận 162 tỷ đồng (-52% svck), trong đó mảng bất động sản ghi nhận sụt giảm mạnh.”**



Giá mục tiêu:	45,000
Giá hiện tại:	40,200
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.9%
Vùng mua:	35,000 - 38,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	-4.3%
+/- LNST (Q1/24):	-35.4%
EPS: 3,461	P/E: 11.6
ROE: 14.9%	P/B: 1.7

DHC báo cáo KQKD Q1/2024 kém tích cực với lợi nhuận thuần đạt 55,6 tỷ đồng (giảm 35,4% so với cùng kỳ và 25,9% so với quý trước). Đây là quý có KQKD thấp nhất kể từ Q4/2019. Mặc dù có sự phục hồi khá tốt trong Q4/2023 nhờ giá giấy phục hồi, nhưng KQKD Q1/2024 vẫn kém khả quan do sự phục hồi của giá bán bình quân thấp hơn so với chi phí đầu vào cũng như sản lượng thấp hơn dự kiến do sự cố từ nhà cung cấp hơi nước làm nhà máy ngừng sản xuất (2 - 4 ngày) trong tháng 2/2024.

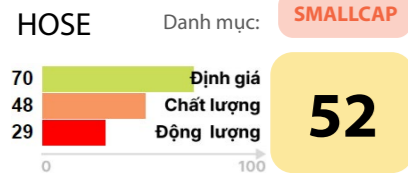
Nhằm phản ánh giá OCC cao hơn dự kiến, chúng tôi giảm 23% dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2024-2025 xuống lần lượt 283 tỷ đồng (giảm 8,4% so với cùng kỳ) và 341 tỷ đồng (tăng trưởng 20,5%). Lợi nhuận năm 2025 phục hồi

mạnh nhờ nhu cầu phục hồi. Chúng tôi cũng đã đưa ra dự báo lần đầu cho năm 2026, cho thấy lợi nhuận thuần tăng trưởng 2,5% đạt 350 tỷ đồng.

DHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11 lần, cao hơn một chút so với bình quân 5 năm ở mức 9,9 lần. Tình trạng dư thừa nguồn cung và nhu cầu kém (chủ yếu tại thị trường Trung Quốc) đang tạo ra nhiều áp lực lên HĐKD của Công ty - mặc dù tình hình dự báo sẽ cải thiện trong nửa cuối năm 2024.

**“KQKD Q1/2024 kém tích cực với lợi nhuận thuần giảm 35,4% so với cùng kỳ và doanh thu thuần giảm 4,3% so với cùng kỳ.”**

# NHH



Giá mục tiêu:	25,000	+/- Doanh thu (Q1/24):	-17.8%
Giá hiện tại:	17,000	+/- LNST (Q1/24):	22.7%
Lợi nhuận kỳ vọng:	47.1%	EPS: 1,405	P/E: 12.1
Vùng mua:	15,500 - 16,500	ROE: 7.5%	P/B: 0.9

NHH ghi nhận doanh thu 445 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên công ty vẫn báo lãi sau thuế 40,6 tỷ đồng, tăng gần 25% so với thực hiện của quý 1/2023 do tiết giảm đáng kể các chi phí hoạt động, tương ứng hoàn thành 29% chỉ tiêu lợi nhuận để ra cho năm 2024.

Năm 2024, NHH đặt kế hoạch đạt doanh thu hợp nhất 2.200 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 138 tỷ đồng, lần lượt tăng 7,9% và 43,4% so với năm 2023.

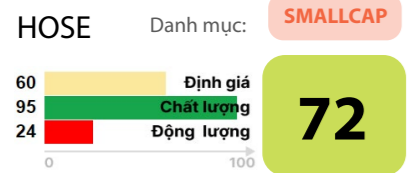
Sản lượng bán hàng năm nay của NHH được kỳ vọng tăng 4% nhờ sự cải thiện của thị trường xây dựng nhà ở tại Mỹ và xu hướng chuyển dịch từ các dòng sản phẩm truyền

thống sang sử dụng sàn SPC. Giá bán được dự báo tăng 3,1%, vì nhu cầu cải thiện và giá cước vận chuyển tăng.

Chúng tôi dự báo, năm 2024, NHH đạt 2.099 tỷ đồng doanh thu và 144 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng trưởng lần lượt 2,9% và 49,8% so với năm 2023.

**“NHH ghi nhận doanh thu 445 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên công ty vẫn báo lãi sau thuế 40,6 tỷ đồng, tăng gần 25% so với cùng kỳ.”**

# DRC



Giá mục tiêu:	38,773	+/- Doanh thu (Q1/24):	-12.5%
Giá hiện tại:	34,200	+/- LNST (Q1/24):	93.8%
Lợi nhuận kỳ vọng:	13.4%	EPS: 2,286	P/E: 15.5
Vùng mua:	29,600 - 31,500	ROE: 14.9%	P/B: 2.2

Tính từ đầu năm, VND đã mất giá 5% so với USD (sát giới hạn trên của cơ chế điều hành tỷ giá tập trung của Việt Nam) do chính sách nới lỏng tiền tệ của Việt Nam được triển khai sớm hơn Mỹ hơn 1 năm. Tỷ giá USD/VND sẽ tiếp tục chịu áp lực ít nhất đến thời điểm Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) hạ lãi suất (chưa xác định thời gian cụ thể, nhưng thị trường dự đoán sẽ vào tháng 9/2024). USD mạnh lên sẽ có lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó có DRC.

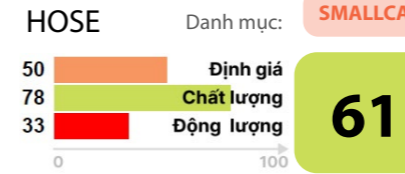
Cho giai đoạn 2024-2026, chúng tôi tăng bình quân 5% dự báo lợi nhuận nhờ USD tăng giá (hỗ trợ doanh thu xuất khẩu và giúp nâng cao tỷ suất lợi nhuận) và việc tăng dự báo sản lượng tiêu thụ lớp PCR cho năm 2025-2026. Theo dự báo mới, lợi nhuận năm 2024, 2025, và 2026 tăng

tăng trưởng mạnh lần lượt ở mức 20%, 26%, và 15%.

DRC đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2024 là 14,9 lần và năm 2025 là 11,8 lần, tương đương với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,5 lần, cao hơn 0,9 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2019 ở mức 11,8 lần. Cổ phiếu xứng đáng được định giá lại ở mặt bằng cao hơn nhờ triển vọng tăng trưởng vững chắc và các cơ hội kinh doanh mới với lớp PCR.

**“DRC hưởng lợi nhờ đồng USD mạnh lên, kỳ vọng sẽ hỗ trợ doanh thu xuất khẩu và nâng cao tỷ suất lợi nhuận.”**

# LHG



Giá mục tiêu:	66,000	+/- Doanh thu (Q1/24):	-34.1%
Giá hiện tại:	38,000	+/- LNST (Q1/24):	-38.0%
Lợi nhuận kỳ vọng:	73.7%	EPS: 2,988	P/E: 12.7
Vùng mua:	33,500 - 36,000	ROE: 9.6%	P/B: 1.2

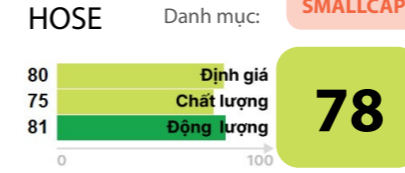
LHG vừa công bố báo cáo kết quả kinh doanh quý 1/2024 với doanh thu đạt 76 tỷ đồng, giảm 34% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 31 tỷ đồng, giảm 38% YoY và thấp hơn dự phóng trước đó của chúng tôi (60 tỷ đồng). Kết quả kinh doanh sụt giảm chủ yếu do tiến độ thu tiền đối với công ty TM & XNK Orifood VN (ký hợp đồng vào quý 4/2023) chưa đạt đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu.

Tiến độ đầu tư dự án Long Hậu 3.1 đang có triển vọng tích cực hơn khi các điểm nghẽn lớn về GPMB và tính tiền sử

dụng đất có cải thiện đáng kể. Với kịch bản đóng tiền sử dụng đất đợt 7, và 8 có thể hoàn thành cuối năm nay và tăng lên đáng kể (25 ha trên 43 ha còn lại có thể phát triển và kinh doanh). Chúng tôi tin rằng, LHG có thể đẩy nhanh tốc độ bán hàng hơn nữa trong những năm sau. Ngoài ra, LHG thường tự tin đẩy nhanh bán hàng tại những khu

**“KQKD quý 1/2024 kém khả quan với doanh thu đạt 76 tỷ đồng, giảm 34% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 31 tỷ đồng, giảm 38% YoY.”**

# PVP



Giá mục tiêu:	20,500	+/- Doanh thu (Q1/24):	22.4%
Giá hiện tại:	17,200	+/- LNST (Q1/24):	-2.3%
Lợi nhuận kỳ vọng:	19.2%	EPS: 1,940	P/E: 8.9
Vùng mua:	15,000 - 16,400	ROE: 10.7%	P/B: 0.9

Trong Q1/2024, PVP đạt doanh thu 373 tỷ đồng, tăng trưởng 22,5% svck với động lực tăng trưởng chính đến từ mảng vận tải. Biên lợi nhuận gộp của PVP đạt 21,1% so với mức 16,4% cùng kỳ nhờ biên gộp mảng vận tải duy trì mức cao -42%. Tuy nhiên, LNST trong Q1/2024 đi ngang svck khi chỉ ghi nhận 46 tỷ đồng chủ yếu do chi phí tài chính tăng mạnh - phần lớn do lỗ chênh lệch tỷ giá.

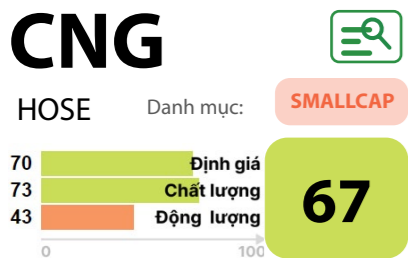
Trong Q2/2024, doanh thu vẫn duy trì ổn định do các tàu gần như được ký hợp đồng dài hạn với giá cước cố định. Biến số của lợi nhuận Q2/2024 sẽ đến từ chi phí tài chính - chủ yếu là lãi lỗ chênh lệch tỷ giá. Với diễn biến gần đây của tỷ giá cùng với việc điều chỉnh lãi suất đầu vào thông qua việc đàm phán lại các điều khoản, chúng tôi cho rằng LNST Q2/2024 dự kiến sẽ tốt hơn so với Q1/2024.

Hợp đồng, giá cước đội tàu và tình hình đầu tư tàu: Tàu Apollo đã ký được hợp đồng T/C 6 tháng từ đầu tháng

2/2024 trong khi tàu Pacific Era ký được hợp đồng T/C 1 năm kể từ đầu tháng 1/2024 với giá cước tốt hơn so với trung bình của năm 2023. Ngược lại, tình hình đầu tư của PVP sẽ gặp khó khăn trong bối cảnh giá mua bán tàu neo cao.

Với việc xin ý kiến cổ đông điều chỉnh lại các ngành nghề hạn chế nhà đầu tư nước ngoài, PVP mong muốn sẽ tìm kiếm được các đối tác tham gia vào công ty để hỗ trợ về mặt quản trị cũng như tăng sức mạnh tài chính nhằm thực hiện việc mở rộng đội tàu. Trong vòng vài năm tới, PVP vẫn sẽ tập trung vào phân khúc tàu dầu thô và tàu sản phẩm. Với tàu dầu thô, kế hoạch đầu tư tàu VLCC để vận chuyển cho Nghi Sơn vẫn đang chờ thời điểm thích hợp để thực hiện.

**“Trong Q1/2024, doanh thu tăng trưởng 22,5% nhờ mảng vận tải nhưng LNST gần như đi ngang do ảnh hưởng từ lỗ chênh lệch tỷ giá.”**



Giá mục tiêu:	38,000
Giá hiện tại:	32,750
Lợi nhuận kỳ vọng:	16.0%
Vùng mua:	31000 - 32500

+/- Doanh thu (Q1/24):	-14.6%
+/- LNST (Q1/24):	-94.2%
EPS: 2,313	P/E: 14.2
ROE: 14.1%	P/B: 2.0

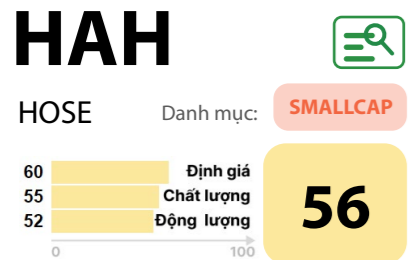
Ước tính LNTT Q2/2024 đạt 48 tỷ đồng. Sản lượng khí CNG tiêu thụ trong Q2 ước đạt 54 tr m3 khí, tăng 15% QoQ. 6 tháng đầu năm sản lượng khí tiêu thụ đạt 101 tr m3 khí, hoàn thành 42% kế hoạch năm. Trong đó tiêu thụ CNG tại miền Bắc đạt 30 tr m3 khí, hoàn thành kế hoạch năm. Do đó, đơn vị kỳ vọng tiêu thụ CNG thực tế tại miền Bắc có thể chạm ngưỡng 50 - 60 tr m3 khí cho cả năm 2024.

Tỷ trọng các nhóm khách hàng tiêu thụ CNG bao gồm: VLXD 60%, thực phẩm 17% và nhóm khác 23%. Đơn vị đánh giá thị trường LNG rất tiềm năng trong thời gian tới. Dự kiến tháng 9/2024 đơn vị sẽ vận chuyển lô LNG đầu tiên ra miền Bắc bằng đường sắt. Ngoài ra, công ty đã hoàn thành xong trạm LNG Thuận Đạo (Long An), dự

kiến bắt đầu bán LNG ra thị trường miền Nam trong tháng 7/2024. Đơn vị còn có kế hoạch xây dựng thêm 4 trạm LNG trong năm 2024 - 2025, ước tính chi phí xây dựng 1 trạm dao động từ 15 đến 25 tỷ, tùy công suất, tập trung ở miền Tây Nam bộ và miền Bắc.

Ước tính KQKD Q2/2024 của CNG mang đến nhiều bất ngờ cho quý nhà đầu tư khi LNTT Q1/2024 chỉ vón vện 2 tỷ đồng. Với kết quả như trên, đơn vị đã hoàn thành 45% kế hoạch LNTT cả năm 2024 là 112 tỷ đồng.

**“Ước tính KQKD Q2/2024 của CNG mang đến nhiều bất ngờ với LNTT đạt 48 tỷ đồng trong khi LNTT Q1/2024 chỉ vón vện 2 tỷ đồng.”**



Giá mục tiêu:	51,000
Giá hiện tại:	45,400
Lợi nhuận kỳ vọng:	12.3%
Vùng mua:	38,000 - 41,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	7.5%
+/- LNST (Q1/24):	-50.2%
EPS: 2,679	P/E: 16.9
ROE: 10.3%	P/B: 1.7

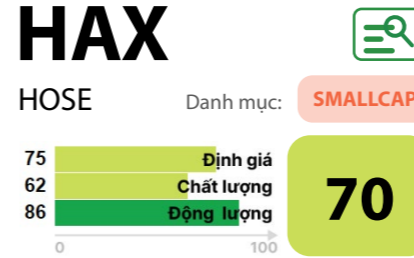
HAH tiếp tục bị ảnh hưởng của chu kỳ đi xuống của ngành vận tải container từ giữa năm 2022-2023. Theo đó, công ty ghi nhận doanh thu tăng 7% đạt 704 tỷ đồng, lợi nhuận ròng của cổ đông công ty mẹ (NPATMI) giảm 57% svck đạt 51 tỷ đồng trong Q1/2024. Tuy nhiên, sản lượng vận tải tăng mạnh đóng vai trò quan trọng trong việc đảo chiều thành xu hướng tăng trưởng doanh thu của HAH. Chúng tôi cho rằng điều này có thể là đến từ việc giá trị xuất khẩu của Trung Quốc phục hồi mạnh, đặc biệt thể hiện rõ ràng trong tăng trưởng sản lượng vận tải quốc tế tại cụm cảng Hải Phòng.

Chúng tôi dự báo doanh thu và NPATMI năm 2024 lần lượt đạt 3 nghìn tỷ đồng (+15% svck) và 377 tỷ đồng (-2,1%

svck). Chúng tôi tiếp tục cho rằng lợi nhuận sẽ phục hồi so với quý trước từ Q2/2024, do môi trường vận chuyển hàng hóa thuận lợi và tăng trưởng nhu cầu gần đây được phản ánh trong dữ liệu xuất nhập khẩu vào tháng 4 và giữa tháng 5.

Chúng tôi ước tính P/E dự phóng cho năm 2024F và 2025F lần lượt ở mức 12x và 10x. Do đó, trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng khả năng phục hồi lợi nhuận và diễn biến thị trường vận tải container quốc tế là những chỉ số quan trọng hơn cần theo dõi và vẫn tích cực trong ngắn hạn thay vì tập trung vào định giá so sánh hiện tại.

**“Lợi nhuận Q2/2024 sẽ phục hồi so với quý trước, do môi trường vận chuyển hàng hóa thuận lợi và tăng trưởng nhu cầu gần đây.”**



Giá mục tiêu:	19,500
Giá hiện tại:	16,500
Lợi nhuận kỳ vọng:	18.2%
Vùng mua:	14,500 - 15,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	4.5%
+/- LNST (Q1/24):	540%
EPS: 497	P/E: 33.2
ROE: 4.6%	P/B: 1.5

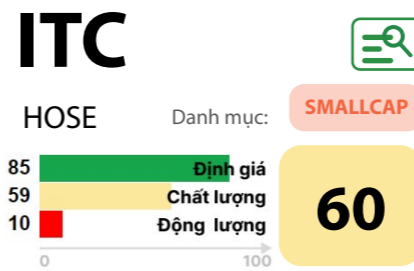
Giá cổ phiếu HAX đã tăng lần lượt 22% và 29% trong 1 tháng và 3 tháng qua, diễn biến tích cực hơn nhiều so với chỉ số VN Index. Chúng tôi cho rằng câu chuyện của HAX - đặc biệt là câu chuyện mở rộng mảng phân phối xe MG, giúp mang lại sự phục hồi lợi nhuận mạnh mẽ trong năm nay - đã được phản ánh khá hợp lý trong mức giá cổ phiếu hiện tại.

Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận, với mức tăng trưởng mạnh mẽ 214% trong năm 2024 (lên 108 tỷ đồng), sau đó tiếp tục tăng lần lượt 44% và 25% trong năm 2025-2026. Dự báo ESP giai đoạn 2024-2026 của chúng tôi cao hơn một chút so với bình quân dự báo thị trường. Bất chấp sự suy yếu chung ngành ô tô đang phải đối mặt

trong năm nay, HAX ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ nhờ vào việc mở rộng mảng phân phối xe MG, trong khi năm 2025-2026 dự báo sẽ được thúc đẩy bởi sự phục hồi chung của ngành.

HAX đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,7 lần, cao hơn bình quân từ năm 2019 ở mức 10 lần. Chúng tôi cho rằng định giá hiện tại đang sát với giá trị hợp lý của cổ phiếu.

**“Lợi nhuận được dự báo tăng trưởng mạnh mẽ 214% trong năm 2024, đạt 108 tỷ đồng.”**



Giá mục tiêu:	14,800
Giá hiện tại:	12,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	23.3%
Vùng mua:	10,500 - 11,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	2.9%
+/- LNST (Q1/24):	-52.6%
EPS: 609	P/E: 19.7
ROE: 2.6%	P/B: 0.5

ITC công bố báo cáo tài chính quý IV/2023 với doanh thu thuần 188 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bất động sản giảm hơn 86% so với cùng kỳ còn 7,6 tỷ đồng. Doanh thu các mảng khác như khách sạn (98,8 tỷ đồng), dịch vụ cho thuê (14 tỷ đồng), xây lắp (doanh thu 54,8 tỷ đồng) và các dịch vụ khác (13,1 tỷ đồng) đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm 2023, Intresco ghi nhận doanh thu thuần 589 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 78,4 tỷ đồng, lần lượt giảm 28% và 50% so với năm 2022. Năm 2023, Intresco đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 320 tỷ đồng. Như vậy, kết năm, công ty thực hiện được 24,5% chỉ tiêu đã đề ra

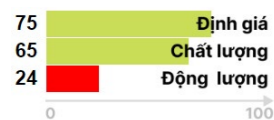
Tính đến ngày 31/12/2023, tổng tài sản của Intresco là 4.177 tỷ đồng, tăng hơn 2 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm 2023, chủ yếu do tăng lượng tiền mặt thêm 34% nhờ dòng tiền dương trong năm. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản là hàng tồn kho với giá trị đạt hơn 1.659 tỷ đồng, giảm 3,3%, chủ yếu ghi nhận tại các dự án bất động sản dở dang như dự án Long Thới (521 tỷ đồng), dự án Sabinco (487 tỷ đồng), dự án Nhơn Trạch (211 tỷ đồng), dự án khu 6A (132 tỷ đồng)...

**“Lũy kế cả năm 2023, ITC ghi nhận doanh thu thuần 589 tỷ đồng và LNST 78,4 tỷ đồng, lần lượt giảm 28% và 50% so với năm 2022.”**

# TNG

HOSE

Danh mục: **SMALLCAP**



Giá mục tiêu:	32,000
Giá hiện tại:	27,500
Lợi nhuận kỳ vọng:	16.4%
Vùng mua:	22,000 - 24,500

+/- Doanh thu (Q1/24):	1.4%
+/- LNST (Q1/24):	-4.0%
EPS: 1,981	P/E: 13.9
ROE: 12.5%	P/B: 1.7

Bước sang năm 2024 với nền tảng được duy trì Ban lãnh đạo đã chia sẻ với NĐT triển vọng hồi phục khả quan, theo đó công ty dự kiến sẽ tăng thêm 15% công suất đồng thời tuyển thêm 3.000 công nhân nhằm mục đích đáp ứng được lượng đơn hàng đã kín đến quý 4. Kế hoạch kinh doanh cũng được kỳ vọng tăng trưởng mạnh với 7.900 tỷ đồng doanh thu (+11,3%) và LNST đạt 310 tỷ đồng (+42,9%). Kết thúc quý 1/2024, công ty ghi nhận 1.353 tỷ đồng doanh thu và 41 tỷ đồng LNST lần lượt hoàn thành 17,1% và 13,2% kế hoạch.

Ngày 20/05 vừa qua, TNG đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần TNG Land từ 51,7% xuống còn 48,81%, tương ứng phần vốn góp 140 tỷ đồng. Qua đó, TNG Land sẽ

không còn là công ty con của Dệt may TNG. TNG land là doanh nghiệp đang triển khai 2 dự án chính là: (1) Khu công nghiệp Sơn Cẩm (Thái Nguyên) và (2) dự án Peace Village tại Phố Yên, Thái Nguyên. Như vậy, tính đến nay ông lớn dệt may không còn công ty con nào.

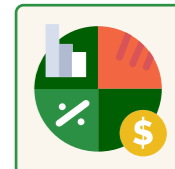
Hiện TNG đã vượt mức P/E trung bình 5 năm là 8,9 lần và đang hướng đến mức +1 Std là 12 lần, mức P/E 11,9 lần cũng là mức trung bình của TNG trong giai đoạn từ 03/2021 - 04/2022 khi triển vọng kinh doanh của TNG khả quan.

**"Kết thúc quý 1/2024, công ty ghi nhận 1.353 tỷ đồng doanh thu và 41 tỷ đồng LNST lần lượt hoàn thành 17,1% và 13,2% kế hoạch."**

## CẬP NHẬT DANH MỤC CHỦ ĐỀ



**Cổ tức tiền mặt cao:** IDC, DPM, DRC, FMC, MSH,...



**Đầu tư công:** HPG, HSG, DPG, C4G, CTD,...



**P/B < 1:** DXG, FCN, GEX, HT1, IDI,...



**BDS Dân dụng & KCN:** HDC, IJC, KDH, DPR, KBC...

**CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO**

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
IDC	●	BĐS Khu công nghiệp	70.8	60.1	17.8%	55.2 - 58.3	10.2	3.2	5,880
SIP	●	BĐS Khu công nghiệp	131.0	90.2	45.2%	81.5 - 86.5	15.8	4.1	5,701
DPM	-	Hóa chất - Phân bón	41.8	36.2	15.5%	32.5 - 34.5	26.4	1.2	1,372
DRC	●	Ô tô - Phụ tùng	38.8	34.2	13.5%	29.6 - 31.5	15.0	2.2	2,286
FMC	-	Thủy sản	52.3	49.1	6.5%	45.5 - 49	11.4	1.5	4,313

**ĐẦU TƯ CÔNG**

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
C4G	-	Xây dựng	12.5	9.9	26.3%	8 - 9.5	22.9	0.9	433
CTD	-	Xây dựng	85.0	71.2	19.4%	61 - 66.6	26.3	0.8	2,710
DPG	-	Xây dựng	64.5	55.7	15.8%	45 - 50	16.8	1.5	3,318
HPG	●	Thép	33.9	28.35	19.6%	27 - 28.3	19.5	1.8	1,455
HSG	●	Thép	28.5	24.4	16.8%	21.5 - 23	17.2	1.4	1,420

**P/B < 1**

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
DXG	-	BĐS Dân cư	20.3	15.95	27.3%	14 - 15.5	38.0	0.8	420
FCN	-	Xây dựng	17.4	14.45	20.4%	13.1 - 14.2	86.2	0.7	168
GEX	-	Thiết bị Điện - Điện tử	30.0	22.25	34.8%	20 - 22	35.6	0.9	625
HT1	-	Xi măng	14.0	13	7.7%	11.5 - 12.5	63.7	1.0	204
IDI	-	Thủy sản	13.3	11.45	16.2%	10 - 11	36.5	0.8	314

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng

**BĐS DẪN DỰNG & KCN**

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
HDC	-	BĐS Dân cư	37.0	29.45	25.6%	28 - 30.3	45.4	2.4	649
IJC	-	BĐS Dân cư	17.5	14.8	18.2%	13.5 - 14.5	17.1	1.4	865
KDH	●	BĐS Dân cư	40.3	37	8.9%	32.5 - 34.5	51.0	2.0	726
NLG	-	BĐS Dân cư	51.0	41.8	22.0%	39 - 41.5	40.2	1.2	1,040
DPR	●	BĐS Khu công nghiệp	58.2	41.7	39.6%	36 - 40	17.8	1.2	2,339
GVR	-	BĐS Khu công nghiệp	38.0	34.3	10.8%	28 - 31	54.6	2.5	628
IDC	●	BĐS Khu công nghiệp	70.8	60.1	17.8%	55.2 - 58.3	10.2	3.2	5,880
KBC	●	BĐS Khu công nghiệp	41.0	28.95	41.6%	27.2 - 28.5	22.7	1.1	1,274
LHG	-	BĐS Khu công nghiệp	66.0	38	73.7%	33.5 - 36	12.7	1.2	2,988
PHR	●	BĐS Khu công nghiệp	75.5	60.5	24.8%	54 - 57.5	17.5	2.2	3,449

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 01/07/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng

## TỔNG QUAN VỀ SMART PORTFOLIO

Cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với từng khẩu vị rủi ro

### Mục tiêu đầu tư

Tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ việc tăng trưởng vốn gốc và thu nhập cổ tức thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

### Chiến lược đầu tư

Các danh mục mô phỏng theo chiến lược phân bổ cổ phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.

Với mục tiêu đầu tư cụ thể, tỷ trọng của các nhóm cổ phiếu sẽ được phân bổ khác nhau ở mỗi danh mục tùy thuộc vào mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận tương ứng của từng danh mục.

### Cơ cấu đầu tư

Các danh mục sẽ có sự kết hợp tỷ trọng giữa các nhóm cổ phiếu giá trị, tăng trưởng, chủ đề và linh hoạt để tạo ra sự đa dạng về lợi suất kỳ vọng cũng như rủi ro.

Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề dựa theo tiềm năng tăng trưởng của ngành, tình hình kinh tế vĩ mô và thanh khoản trên thị trường.

Thời hạn đầu tư 6 - 12 tháng.

### Phương pháp đầu tư

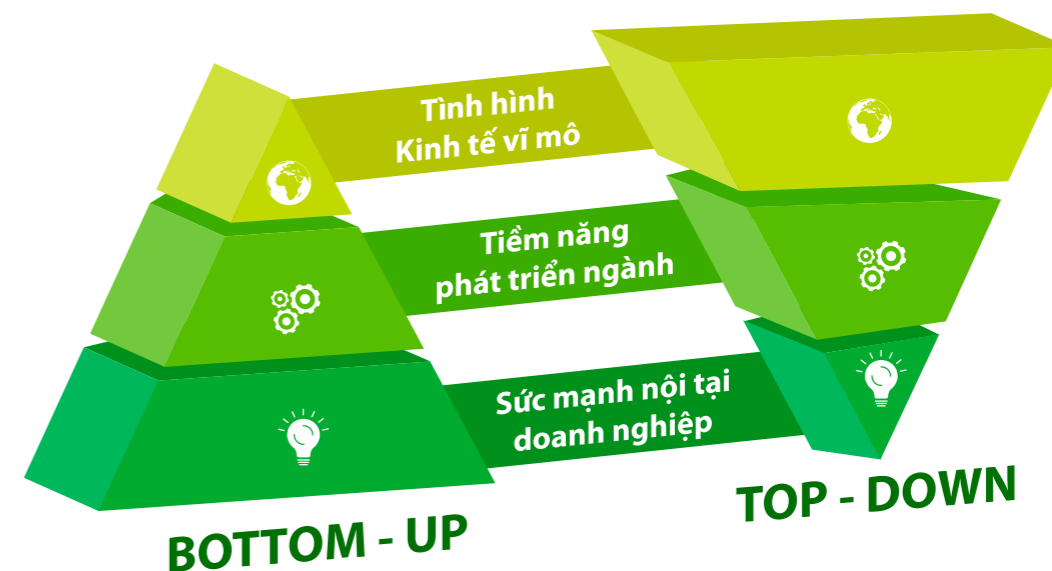
SmartPortfolio thiết kế các danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn so với các yếu tố cơ bản.

Cổ phiếu niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX. Vốn hóa cổ phiếu >1,000 tỷ VNĐ. Thanh khoản trung bình phiên trong 30 ngày gần nhất >100,000 cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá (bao gồm suất cổ tức kỳ vọng) của cổ phiếu > 15% trong chu kỳ 12 tháng.

## PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

### I. Phương pháp tiếp cận

Kết hợp **Bottom-Up** và **Top-down** để tìm kiếm các cơ hội đầu tư vượt trội.



**Đối với phương pháp Bottom-up:** Chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng:

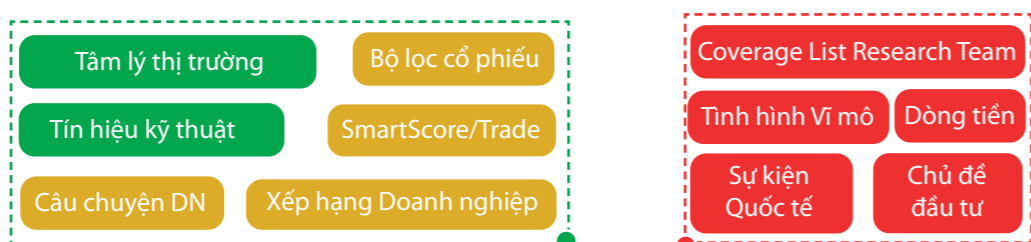
- ✓ Doanh nghiệp có tài sản ngầm, chưa được khai thác đầy đủ
- ✓ Doanh nghiệp đang trong quá trình tái cấu trúc, thay đổi cơ cấu chủ sở hữu từ đó dẫn đến các cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh; Cổ phiếu liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập
- ✓ Cổ phiếu của các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước;
- ✓ Cổ phiếu có giá thị trường giảm sâu trong ngắn hạn và giảm sâu với giá định giá hợp lý.

**Đối với phương pháp Top-down:** Các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

- 1 Phân tích chỉ báo kinh tế vĩ mô, chính sách để tìm kiếm các ngành nghề triển vọng.
- 2 Tìm kiếm cổ phiếu các doanh nghiệp tiềm năng nhất ngành dựa trên các yếu tố cơ bản như:
  - ✓ Sức mạnh và sự ổn định tài chính, hiệu quả hoạt động
  - ✓ Chất lượng quản trị & năng lực điều hành
  - ✓ Lợi thế cạnh tranh, thị phần, quy mô, mô hình kinh doanh và loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp
  - ✓ Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận
- 3 Tập trung những cổ phiếu đang được định giá hấp dẫn so với giá trị thực cũng như tiềm năng tăng giá trong tương lai.

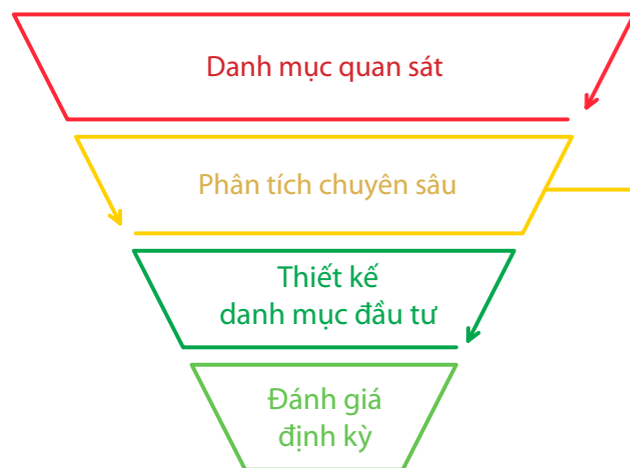
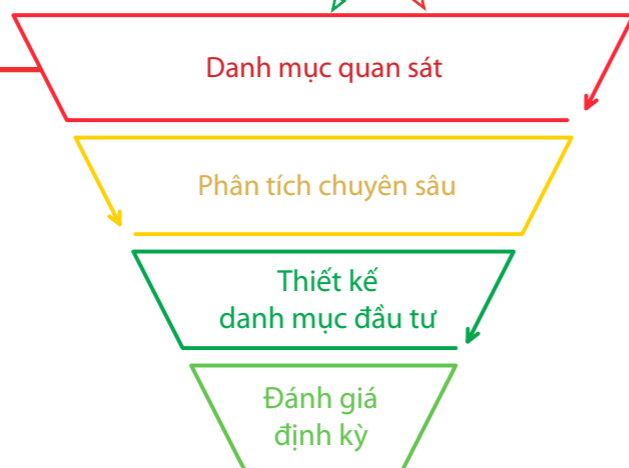


## II. Quy trình xây dựng danh mục đầu tư



### 500-600 cổ phiếu

- ✓ Các cổ phiếu được đánh giá dựa trên yếu tố cơ bản
- ✓ Xác định **chủ đề trọng điểm** thu hút được dòng tiền lớn tham gia
- ✓ Đảm bảo đạt được các tiêu chí của công cụ **SmartScore, SmartTrade**

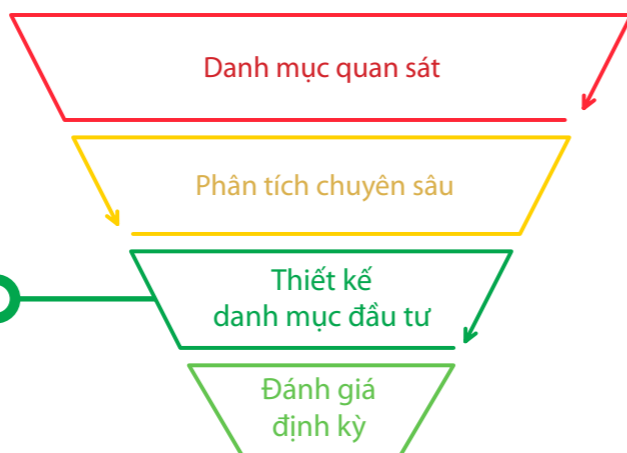


### 200 cổ phiếu

- Đưa các cp vào danh mục dựa trên các yếu tố Lợi suất kỳ vọng & Rủi ro thỏa mãn những tiêu chí sau (có thể tùy vào từng danh mục):
- ✓ Định giá hấp dẫn.
  - ✓ Hiệu suất sinh lời hợp lý.
  - ✓ Tiềm năng tăng giá, upside hấp dẫn (lớn hơn 20%).
  - ✓ Điểm mua/bán phù hợp với diễn biến thị trường.

### 100 cổ phiếu

- ✓ Thiết lập danh mục đầu tư tương ứng phân bổ tỷ trọng phù hợp với Rủi ro & Lợi suất đầu tư
- ✓ Quan sát biến động giá trong vòng 3-6 tháng gần nhất để chọn ra vùng giá mua hợp lý
- ✓ Thay vì cố gắng tìm cách mua đáy bán đỉnh, chúng tôi tìm kiếm những cổ phiếu đang giao dịch ở vùng đáy trung/dài hạn với mức biên an toàn đủ lớn. Từ đó, lợi nhuận của danh mục được đảm bảo tăng trưởng bền



## DIỄN GIẢI THUẬT NGỮ

### Cổ phiếu Tăng trưởng (●)

Cổ phiếu tăng trưởng là cổ phiếu của một công ty được dự đoán sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể so với mức tăng trung bình của thị trường. Những cổ phiếu này thường ít trả cổ tức, thay vào đó công ty thường tái đầu tư tất cả thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư sau đó kiếm được tiền nhờ tăng trưởng giá ấn tượng khi

họ bán cổ phiếu. Do không có cổ tức, đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng có thể khá rủi ro. Cơ hội duy nhất mà một nhà đầu tư kiếm được tiền là khi họ bán cổ phần của mình và hưởng lợi từ mức giá phản ánh câu chuyện tăng trưởng trong tương lai của doanh nghiệp.

### Cổ phiếu Phòng thủ (●)

Cổ phiếu phòng thủ là loại cổ phiếu mang lại cổ tức và dòng thu nhập ổn định bất kể tình hình của thị trường chứng khoán. Do nhu cầu liên tục cho các sản phẩm/dịch vụ của công ty mình, cổ phiếu phòng thủ có xu hướng duy trì sự ổn định trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh. Một số cổ phiếu thuộc các ngành nghề đặc trưng với tính phòng thủ như y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước...

### Danh sách cổ phiếu chờ

Danh sách cổ phiếu chờ là danh sách những cổ phiếu được ưu tiên lựa chọn để thay thế những cổ phiếu trong danh mục chính tại thời điểm cơ cấu danh mục vào cuối tháng.

### Chấm điểm smartscore

**Điểm Chất lượng** tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của doanh nghiệp.

\* Các tiêu chí cấu phần điểm Chất lượng:

- ✓ **Chỉ số Hoạt động:** vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay phải trả,...
- ✓ **Chỉ số Thanh khoản:** chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán hiện hành,...
- ✓ **Chỉ số Cơ cấu tài sản:** nợ vay/vốn chủ sở hữu, nợ vay/tài sản,...
- ✓ **Chỉ số Hiệu quả:** biên lợi nhuận thuần, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận ròng,...
- ✓ **Chỉ số Tăng trưởng:** tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận ròng, tăng trưởng EPS, CAGR lợi nhuận ròng (4 năm),...

**Điểm Định giá** tập trung đo lường để xem xét thị giá của cổ phiếu đang cao hay thấp so với giá trị thực hoặc so với ngành.

\* Các tiêu chí cấu phần điểm Định giá:

- ✓ P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/S,...
- ✓ Vốn hoá thị trường,...

**Điểm Động lượng** tập trung đo lường biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu trên thị trường.

\* Các tiêu chí cấu phần điểm Động lượng:

- ✓ Khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình 3 tháng, 2 tuần,...
- ✓ Tỷ lệ thay đổi giá của cổ phiếu 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng,...
- ✓ Khối lượng giao dịch 2 tuần/ 3 tháng,...